

Số 3746 /TB-UBND

Bắc Từ Liêm, ngày 20 tháng 12 năm 2019

THÔNG BÁO

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quận
và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2020
trình Hội đồng nhân dân quận**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ các Báo cáo của UBND quận Bắc Từ Liêm số 583/BC-UBND ngày 06/12/2019 về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quận năm 2019, Dự toán ngân sách Quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách Quận năm 2020; số 594/BC-UBND ngày 10/12/2019 về điều chỉnh phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2020; Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (*Báo cáo tại kỳ họp thứ 13 Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm khóa II*);

Căn cứ các Tờ trình của UBND quận Bắc Từ Liêm số 246/TTr-UBND ngày 06/12/2019 về dự toán ngân sách Quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2020; số 249/TTr-UBND ngày 10/12/2019 về điều chỉnh phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2020; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020.

UBND quận Bắc Từ Liêm tổ chức công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2020 trình Hội đồng nhân dân quận, cụ thể như sau:

1. Nội dung công khai:

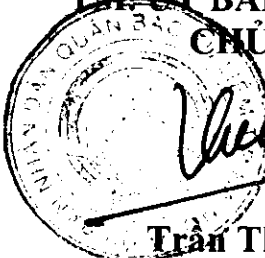
Công khai dự toán ngân sách quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2020 trình Hội đồng nhân dân quận, cụ thể: Theo thuyết minh và các biểu đính kèm

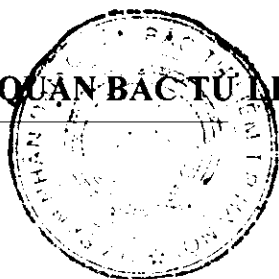
2. Hình thức công khai:

Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND quận Bắc Từ Liêm tại địa chỉ: <http://bactuliem.hanoi.gov.vn>

Nơi nhận:

- UBND Thành phố Hà Nội;
- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- TT Quận ủy - HĐND-UBND Quận
- Lãnh đạo UBND Quận;
- VP Quận ủy; Các phòng, ban thuộc Quận;
- UBND các phường;
- Cổng thông tin điện tử của Quận (Phòng VH TT);
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Cường

*Bắc Từ Liêm, ngày tháng 12 năm 2019***THUYẾT MINH****Dự toán ngân sách quận và phương án phân bổ dự toán
ngân sách quận năm 2020 (tài liệu trình Hội đồng nhân dân quận)**

Để thực hiện công tác công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách. UBND Quận Bắc Từ Liêm thực hiện công khai số liệu dự toán ngân sách quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2020 trình Hội đồng nhân dân Quận, cụ thể như sau:

Phần I. Dự toán ngân sách Quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận Bắc Từ Liêm năm 2020.**I. Căn cứ xây dựng dự toán năm 2020**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách; Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 21/6/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016; Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017, và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/09/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ Nghị quyết đại hội lần thứ I Đảng bộ quận Bắc Từ Liêm nhiệm kỳ

2015-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/07/2016 của HĐND Quận về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 quận Bắc Từ Liêm;

Căn cứ Quyết định số: 6999/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 4762/HD-STC ngày 18/7/2019 của Sở Tài chính Hà nội về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 và kế hoạch tài chính 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/QU ngày 24/7/2015 của Quận ủy Bắc Từ Liêm về Đại hội lần thứ I đảng bộ quận Bắc Từ Liêm Nhiệm kỳ 2015-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/07/2016 của HĐND Quận về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 quận Bắc Từ Liêm;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 26/6/2015 của Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của quận Bắc Từ Liêm; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 22/6/2017 về việc bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của quận Bắc Từ Liêm (đợt 1); Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/6/2018 của Hội đồng nhân dân Quận về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của quận Bắc Từ Liêm. Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18/10/2018 của Hội đồng nhân dân Quận về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của quận Bắc Từ Liêm; Nghị quyết số: 04/NQ-HĐND ngày 12/3/2019; Nghị quyết số: 13/NQ-HĐND ngày 18/6/2019; Nghị quyết số: 23/NQ-HĐND ngày 04/10/2019 của HĐND Quận về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của quận Bắc Từ Liêm

Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Quận năm 2019; dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, UBND quận Bắc Từ Liêm xây dựng phương án phân bổ dự toán NSNN năm 2020, cụ thể như sau:

II. Mục tiêu, nguyên tắc, định hướng xây dựng dự toán ngân sách Quận năm 2020

1. Mục tiêu

Dự toán năm 2020 bám sát mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020 tại Nghị quyết số 01-NQ/QU ngày 24/7/2015 của Quận ủy Bắc Từ Liêm về Đại hội lần thứ I đảng bộ quận Bắc Từ Liêm Nhiệm kỳ 2015-2020.

Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2020 phải đảm bảo nguyên tắc cân đối thu, chi. Phương án phân bổ ngân sách phải theo đúng nguồn thu ngân sách Quận được hưởng theo phân cấp; theo đúng các quy định của pháp luật về chế độ

thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2017-2020 được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Quản triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán; đảm bảo hiệu quả chi ngân sách, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

2. Nguyên tắc, định hướng xây dựng dự toán ngân sách Quận năm 2020

2.1. Những nguyên tắc, định hướng chung

- Dự toán ngân sách phải đảm bảo nguyên tắc cân đối thu, chi; Phương án phân bổ ngân sách phải theo đúng nguồn thu ngân sách quận được hưởng theo phân cấp. Phân bổ dự toán đúng các quy định của pháp luật về chế độ thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi NSNN năm 2020.

- Phân bổ dự toán chi ngân sách Quận chi tiết theo lĩnh vực, đảm bảo theo định mức phân bổ, chi tiết theo đơn vị ngay từ đầu năm, hạn chế tối đa khoản điều hành tập trung. Bảo đảm triệt để tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí ngay từ khâu xây dựng, thẩm định dự toán, đảm bảo hiệu quả chi ngân sách, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

- Việc lập kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020 phải phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

- Nguồn Ngân sách mục tiêu Thành phố cấp cho được phân bổ chi tiết ngay từ đầu năm trên cơ sở nội dung Thành phố giao.

2.2. Nguyên tắc, định hướng cụ thể

2.2.1. Về thu ngân sách Nhà nước:

- Dự toán thu NSNN năm 2020 được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành; tổng hợp đầy đủ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào NSNN theo quy định của Luật NSNN năm 2015; trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2020 đối với các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác; đối với thu tiền sử dụng đất, rà soát kỹ các dự án có khả năng thu tiền sử dụng đất (dự án giao đất) sẽ thực hiện thu trong năm và đánh giá xây dựng kế hoạch tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các dự án trên địa bàn Quận.

- Việc phân bổ và giao dự toán thu năm 2020 cho các ngành, đơn vị, UBND các phường thuộc Quận được căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ thu năm 2019, dự báo tốc độ phát triển kinh tế, chỉ tiêu phấn đấu thu, đẩy mạnh công tác quản lý và chống thất thu ngân sách, phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế xã hội của Thành phố.

2.2.2. Về chi ngân sách nhà nước:

a. Về chi đầu tư xây dựng cơ bản:

(1) Kế hoạch đầu tư công năm 2020 phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 của Đảng bộ quận Bắc Từ Liêm tại Đại hội lần thứ I nhiệm kỳ 2015-2020, phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 được duyệt và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019; phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

(2) Xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên trong kế hoạch đầu tư công năm 2020 phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư năm 2020; phải phù hợp với khả năng thực hiện và tiến độ giải ngân của từng dự án trong năm 2020. Trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình thực việc phân bổ vốn phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn
- Dự án chuyển tiếp đến năm 2020, dự kiến hoàn thành trong năm 2020.
- Dự án chuyển tiếp theo tiến độ được phê duyệt
- Đối với các dự án khởi công mới, chỉ bố trí vốn kế hoạch năm 2020 cho các dự án thật sự cần thiết khi đã bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên:

- + Các dự án trọng điểm, dự án giao thông khung.
- + Các dự án dân sinh bức xúc, kiến nghị cử tri.
- + Các thiết chế công còn thiếu (trường học, nhà văn hóa, trụ sở các phường).

Các dự án trên phải đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; (ii) Đến ngày 31/10/2019 có quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; (iii) Đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; (iv) Không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công cho các dự án không thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành; Đối với dự án chuẩn bị đầu tư phải có Quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư và Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư đến ngày 31/10/ 2019.

b. Về chi thường xuyên:

Dự toán chi thường xuyên được xây dựng đúng tính chất nguồn kinh phí, đúng phân cấp nhiệm vụ chi, định mức quy định của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020, triệt để tiết kiệm, hiệu quả, Cụ thể:

- Dự toán Quận giao đầu năm 2020 không thấp hơn dự toán Thành phố giao. Đảm bảo chi đúng định mức, chế độ quy định của Trung ương và Thành phố. Đảm bảo hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước theo quy định. Ưu tiên bố trí đủ kinh phí để thực hiện chế độ lương và các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ, công chức. Ưu tiên bố trí đủ ngay từ đầu năm kinh phí thực hiện

chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng theo quy định (chế độ trợ cấp, chế độ bảo hiểm đối tượng bảo trợ xã hội...).

- Rà soát kỹ các nhiệm vụ chi ngoài định mức khoán chi, không bố trí dự toán cho các nhiệm vụ chưa thật sự cần thiết, cấp bách. Giảm tối đa kinh phí tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, khánh tiết đảm bảo hiệu quả.

- Bố trí đủ kinh phí ngay từ đầu năm kinh phí sự nghiệp được tính theo dân số, tính theo số học sinh như: Sự nghiệp giáo dục và đào tạo, sự nghiệp đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp an ninh, quốc phòng, văn hóa, thể thao, dân số, y tế..... Các sự nghiệp kinh tế, quản lý đô thị, môi trường bố trí theo định mức và khả năng cân đối ngân sách.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần kinh phí như: Khối trường mầm non, trường trung học cơ sở thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, tuy nhiên hiện nay Chính phủ chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực, dự toán ngân sách năm 2019 của các đơn vị được cấp sau khi trừ đi 60% học phí (đối với các trường), đúng với định mức chi giai đoạn 2017-2020.

c. Dự phòng ngân sách:

Bố trí dự phòng ngân sách cấp Quận không thấp hơn số dự toán dự phòng Thành phố giao; dự phòng ngân sách phường các phường bố trí cân đối từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách phường. Dự phòng ngân sách các cấp để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán.

d. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của Thành phố:

Căn cứ nội dung bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách Thành phố, UBND quận thực hiện phân bổ cho các đơn vị ngay từ đầu năm đảm bảo chủ động trong triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng nội dung, nguồn kinh phí được Thành phố giao.

III. Dự toán thu, chi ngân sách quận năm 2020 và phương án phân bổ ngân sách ngân sách Nhà nước năm 2020:

1. Dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán thu ngân sách năm 2020:

1.1. Thu NSNN trên địa bàn:

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn Quận giao bằng dự toán Thành phố giao: 3.057,520 tỷ đồng. Trong đó:

- + Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác: 2.230,520 tỷ đồng

- + Các khoản thu tiền sử dụng đất: 827 tỷ đồng

- Phân bổ nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn: Tổng số dự toán thu trên địa bàn năm 2020: 3.057,520 tỷ đồng, trong đó giao cấp quận thực hiện: 2.968,417 tỷ đồng; phường thực hiện: 89,102 tỷ đồng.

- Ngoài ra, một số khoản thu sự nghiệp trên địa bàn quận Thành phố không giao, Quận giao cho các đơn vị để thực hiện thu theo đúng các quy định và thực

hiện cân đối cho các nhiệm vụ chi của đơn vị nhằm giảm chi ngân sách Quận, không tính giao trong tổng thu ngân sách trên địa bàn, gồm:

+ Thu giá vệ sinh môi trường theo Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 và Quyết định 26/2018/QĐ-UBND ngày 2/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội: Số giao thu 2020: 30,104 tỷ, sau khi trừ thuế, chi phí phục vụ công tác thu, số thu để lại cân đối chi cho công tác VSMT: 24,632 tỷ đồng.

+ Thu học phí tại các trường năm 2020 theo Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 và Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND thành phố Hà Nội: Tổng số thu: 34,2 tỷ, cân đối chi: 40% số thu để tạo nguồn CCTL: 13,6 tỷ; 60% để cân đối chi thường xuyên tại các trường (*giảm chi ngân sách quận cấp tương ứng*): 20,6 tỷ đồng.

1.2. Thu ngân sách Quận theo DT thành phố giao: 1.387,091 tỷ đồng

- Thu ngân sách Quận hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 1.308,842 tỷ đồng

+ Các khoản thu NS Quận hưởng 100%: 426,400 tỷ đồng

+ Các khoản thu NSQ hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 882,442 tỷ đồng

(*Trên cơ sở số giao thực hiện nhiệm vụ thu trên địa bàn và thực hiện phân cấp nguồn thu tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND: Thu ngân sách cấp Quận hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 1.252,734 triệu đồng, Thu ngân sách phường hưởng theo điều tiết: 56,107 triệu đồng*)

- Thu bổ sung cân đối ngân sách Thành phố: 34,312 tỷ đồng

- Thu bổ sung mục tiêu ngân sách Thành phố: 43,937 tỷ đồng

1.3. Thu ngân sách Quận theo DT Quận giao: 1.625,261 tỷ đồng

- Thu ngân sách Quận hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 1.308,842 tỷ đồng

+ Các khoản thu NS Quận hưởng 100%: 426,400 tỷ đồng

+ Các khoản thu NSQ hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 882,442 tỷ đồng

- Thu bổ sung cân đối ngân sách Thành phố: 34,312 tỷ đồng

- Thu bổ sung mục tiêu ngân sách Thành phố: 43,937 tỷ đồng

- Thu kết dư ngân sách Quận năm 2018: 238,170 tỷ đồng

2. Dự toán chi ngân sách Quận và phân bổ dự toán chi ngân sách quận năm 2020:

Căn cứ vào số thu điều tiết ngân sách Quận được hưởng năm 2020, số dự toán Thành phố giao năm 2020 và nguồn kết dư ngân sách Quận năm 2018 chưa sử dụng hết. UBND Quận trình HĐND Quận giao dự toán chi năm 2020 cho các đơn vị lớn hơn dự toán chi Thành phố giao đầu năm cho quận năm 2020: 238,170 tỷ đồng sử dụng nguồn kết dư ngân sách Quận năm 2018 chưa sử dụng hết. Cụ thể:

Tổng chi ngân sách Quận:

1.625,261 tỷ đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán Thành phố giao	Dự toán Quận giao	Chênh lệch
-----	----------	------------------------------	-------------------------	---------------

1	Chi cân đối ngân sách quận	1.343.154	1.581.324	238.170
1.1	Chi đầu phát triển	611.900	850.070	238.170
+	Chi đầu tư XDCH	583.030	821.200	
-	Chi từ nguồn vốn XDCH tập trung phân cấp	193.200	193.200	
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	259.830	259.830	0
-	Chi từ nguồn CCTL (50% tăng thu DT 2020 so với DT 2017)	130.000	130.000	0
-	Chi từ nguồn kết dư ngân sách		238.170	238.170
+	10% từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại phục vụ công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	28.870	28.870	
1.2	Chi thường xuyên	629.005	629.005	0
	<i>Trong đó: Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn CCTL</i>	28.569	28.569	0
1.3	Chi dự phòng ngân sách	30.893	30.893	0
1.4	Chi dành nguồn CCTL	71.356	71.356	0
2	Chi mục tiêu ngân sách Thành phố	43.937	43.937	0
	Tổng cộng	1.387.091	1.625.261	238.170

2.1. Phân bổ chi đầu tư XDCH:

Dự toán thành phố giao: 583,030 tỷ đồng (Trong đó không bao gồm 10% từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại phục vụ công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.)

Dự toán quận giao: 821,200 tỷ đồng (Trong đó không bao gồm 10% từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại phục vụ công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tăng 238,170 tỷ so với dự toán Thành phố giao. Trong đó: Căn cứ tính chất và phân cấp nguồn thu: Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cấp Quận: 821,200 tỷ đồng.

Gồm: + Nguồn tập trung theo phân cấp: 193,2 tỷ đồng tăng 16,5 tỷ so với năm 2019
+ Nguồn thu tiền sử dụng đất: 288,7 tỷ đồng giảm 16,1 tỷ đồng so với dự toán năm 2019.

+ Chi từ nguồn CCTL (50% tăng thu DT 2020 so với DT 2017): 130 tỷ đồng.
+ Chi từ nguồn kết dư ngân sách Quận 2018: 238,170 tỷ đồng.

2.2. Phân bổ chi thường xuyên:

Tổng chi thường xuyên ngân sách Quận năm 2020: 672,942 tỷ đồng (trong đó: chi ngân sách cấp Quận là 557,130 tỷ đồng, Ngân sách phường là 115,802 tỷ đồng, bao gồm:

+ Chi thường xuyên trong cân đối: 629,005 tỷ đồng.

+ Chi mục tiêu ngân sách TP: 43,937 tỷ đồng.

Ngoài ra, cân đối chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp tại các đơn vị năm 2020: 46,912 tỷ đồng từ nguồn thu giá dịch vụ VSMT, và 60% thu học phí khối mầm non và THCS các trường công lập trên địa bàn Quận.

*** Trong đó chi tiết phân bổ chi cho một số lĩnh vực cấp Quận:**

1) Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo Quận phân bổ: 324,771 tỷ đồng (trong đó chi trong cân đối ngân sách quận là: 311,518 tỷ đồng, chi từ nguồn mục tiêu ngân sách Thành phố là 13,253 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 48,2% tổng dự toán chi thường xuyên của Quận; đảm bảo phân bổ dự toán chi theo định mức học sinh.

Dự toán năm 2020, UBND Quận đề xuất điều chỉnh số học sinh làm cơ sở giao dự toán: Tính theo số học sinh thực tế năm học 2019-2020 tại các trường không lấy theo số học sinh ổn định năm 2017, lý do: số học sinh khối mầm non giảm nhiều so với năm 2017, số học sinh khối tiểu học tăng nhiều so với năm 2017 và một số trường chia tách và thành lập mới. Do vậy, điều chỉnh lấy số học sinh thực tế theo năm học 2019-2020 để giao các trường nhằm đảm bảo cân đối ngân sách quận và đảm bảo kinh phí hoạt động của các trường theo định mức.

Ngoài ra, cân đối chi sự nghiệp giáo dục từ nguồn 60% thu học phí năm 2020 và 60% số học phí năm 2018 các trường chưa sử dụng: 22,257 tỷ đồng.

2) Chi sự nghiệp môi trường: 48,161 tỷ đồng trong cân đối ngân sách Quận.

Ngoài ra, cân đối chi sự nghiệp môi trường từ nguồn thu giá VSMT năm 2020: 24,632 tỷ đồng từ thu giá dịch vụ VSMT.

3) Chi sự nghiệp kinh tế: 24,172 tỷ đồng.

Tiếp tục bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi về chỉnh trang, duy tu, duy trì hạ tầng trên địa bàn Quận như: Kinh phí duy tu, duy trì hệ đường giao thông; kinh phí lắp đặt biển báo ngã, vạch, biển số nhà...; bố trí kinh phí thực hiện dự án quy hoạch chi tiết thuộc phân cấp ngân sách Quận đủ điều kiện; bố trí kinh phí thực hiện công tác phòng chống lụt bão....

4) Chi sự nghiệp an ninh: 5,344 tỷ đồng đảm bảo phân bổ theo định mức dân số quy định tại Nghị quyết 13/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội, ngoài ra để đáp ứng thực hiện các nhiệm vụ về an ninh trên địa bàn bổ sung tăng so với định 1,745 tỷ để thực hiện công tác về PCCC trên địa bàn và một phần kinh phí hoạt động của các Ban chỉ đạo 138, 197 do Công an quận được giao làm cơ quan thường trực.

5) Chi Sự nghiệp quốc phòng: 4,254 tỷ đảm bảo phân bổ theo định mức dân số quy định tại Nghị quyết 13/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội.

2.3. Bổ sung cân đối cho UBND các phường.

- *Bổ sung cân đối năm 2020 cho ngân sách phường: 68,447 tỷ đồng.*

Thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung một số định mức phân bổ chi ngân sách của thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020.

Thực hiện Nghị định 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ 24/4/2019, Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 10/7/2019 và thực hiện giảm chi đối với các cán bộ hưởng lương hưu phường theo Nghị định 55/2016/NĐ-CP. Năm 2020 UBND Quận đề xuất điều chỉnh giảm chi bổ sung cân đối ngân sách Quận cho ngân sách phường: 4,551 tỷ đồng so với thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020 và cân đối điều chỉnh tăng của năm 2019 (*Thời kỳ ổn định ngân sách ngân sách Quận bố trí cân đối cho ngân sách phường: 69,194 tỷ đồng, Năm 2019 Quận bố trí tăng bổ sung cân đối 3,804 tỷ cho phường do thực hiện Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố*).

- *Bổ sung mục tiêu năm 2020 cho ngân sách phường: 6,737 tỷ trong đó để chi một số nhiệm vụ: Chi hòa táng, chi lực lượng tự quản, chi mừng thọ người cao tuổi, chi tặng quà tết cho các cán bộ nghỉ hưu, chi tổ chức đại hội Đảng...*

2.4. Chi dự phòng ngân sách:

Chi dự phòng ngân sách cấp quận năm 2020: 30,893 tỷ đồng bằng không thấp hơn dự toán Thành phố giao bằng 2,1% tổng chi cân đối ngân sách Quận (Dự phòng Ngân sách phường: 2,491 tỷ trong cân đối ngân sách phường).

2.5. Dự toán chi dành nguồn cải cách tiền lương.

Dự toán chi cải cách tiền lương ngân sách quận năm 2020: 71,356 tỷ đồng (để thực hiện nâng mức lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng); trong đó dành nguồn CCTL cấp quận: 55,867 tỷ đồng; dành nguồn CCTL phường: 15,488 tỷ đồng.

IV. Về chỉ tiêu thu giá vệ sinh môi trường năm 2020.

Thực hiện Quyết định 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường (VSMT) đối với chất thải rắn công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở số ước thực hiện thu năm 2019, UBND quận giao chỉ tiêu cho Liên doanh nhà thầu Công ty cổ phần Công trình đô thị Long Biên và Công ty cổ phần xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường năm 2020 trên địa bàn Quận: 30,104 tỷ đồng. Cụ thể:

+ Chỉ tiêu thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (thu của các hộ dân); giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải công nghiệp thông thường (đối với các hộ sản xuất, kinh doanh): 14,1 tỷ đồng

+ Chỉ tiêu thu giá vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với trường học, nhà trẻ, khu nội trú, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, phòng giao dịch các ngân hàng, các doanh nghiệp và các tổ chức, cơ sở khác: 15,184 tỷ đồng.

Toàn bộ số thu trên sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định, Liên danh nhà thầu Công ty cổ phần Công trình đô thị Long Biên và Công ty cổ phần xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội được sử dụng 10% để phục vụ cho công tác thu. Số còn lại được UBND quận sử dụng để chi cho công tác duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Quận.

Chỉ tiêu giao chỉ mang tính định hướng, Liên danh nhà thầu Công ty cổ phần Công trình đô thị Long Biên và Công ty cổ phần xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội phải có trách nhiệm thực hiện thu giá VSMT trên địa bàn quận đảm bảo tích cực trong công tác thu nhằm đáp ứng mục tiêu giảm chi ngân sách Quận cho công tác VSMT; thực hiện thu đúng, thu đủ, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

Phần II. Những nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện có hiệu quả dự toán ngân sách năm 2020

Năm 2020, là năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 và là năm cuối quyết định kết quả hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước 5 năm giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết Đại hội lần thứ I Đảng bộ quận Bắc Từ Liêm. Nhằm thi đua thực hiện thắng lợi dự toán ngân sách năm 2020 Thành phố giao và chào mừng thành công đại hội Đảng bộ các cấp, các phòng, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị và UBND các phường cần quan tâm tập trung triển khai đồng bộ nhóm các giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên mọi lĩnh vực, tạo môi trường hành chính thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đặc biệt là thủ tục hành chính về thuế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; Tiếp tục tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn; tiếp cận từng bước thực hiện Chính phủ điện tử và Thành phố thông minh, xác định ứng dụng CNTT là vấn đề quan trọng và là đòn bẩy phục vụ cải cách hành chính, góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh nhằm nuôi dưỡng nguồn thu, duy trì ổn định mức thu lâu dài, bền vững, nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc, nhằm đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội lần thứ I Đảng bộ quận Bắc Từ Liêm đã đề ra.

- Tiếp tục duy trì đoàn liên ngành chống thất thu ngân sách và đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế. Tiếp tục quán triệt, thực hiện đầy đủ, kịp thời nội dung chỉ thị số 04/CT-BTC ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tăng cường công

tác quản lý nợ và cưỡng chế thu hồi nợ thuế để giảm nợ đọng ngành thuế quản lý. Công tác thu ngân sách cần đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch giao Thành phố giao.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác đấu giá quyền sử dụng đất ngay từ đầu năm, công tác thu tiền sử dụng đất các dự án trên địa bàn, tạo nguồn để cân đối chi đầu tư phát triển trên địa bàn.

Thứ hai: Tăng cường thực hiện quản lý chi NSNN đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí; điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo an sinh xã hội, đảm bảo các nguyên tắc và giữ vững cân đối ngân sách. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra và thực hiện nghiêm túc các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, các kết luận và kiến nghị giám sát của HĐND Thành phố.

- Đối với chi đầu tư phát triển: Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án từ chuẩn bị dự án đến khâu kết thúc dự án, đảm bảo thực hiện đúng Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng. Giải quyết kịp thời những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư từ nguồn NSNN. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo Luật đầu tư công, nhằm nâng cao chất lượng công trình gắn với chống thất thoát lãng phí; Rà soát giãn tiến độ các dự án chưa thực sự cấp bách, *(đẩy mạnh công tác đền bù GPMB tránh tình trạng dự án kéo dài thời gian thực hiện dẫn đến tổng mức đầu tư vượt so với ban đầu được duyệt)*. Chi đầu tư phải phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Quận, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng năm 2019 nhưng chưa bố trí đủ vốn, các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020.

- Đối với chi thường xuyên: Các đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao dự toán năm 2020 một cách hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí; trong quá trình triển khai thực hiện, tùy theo tình hình thực tế diễn ra để rà soát, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi, thực hiện cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết; tiết giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm; cắt giảm và công khai các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, động thổ, khởi công, khánh thành công trình. Đối với việc tổ chức các cuộc hội nghị, các cuộc họp... chấp hành nghiêm quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính Nhà nước. Thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và UBND Thành phố trong việc trang bị mua sắm tài sản từ nguồn NSNN.

Thứ ba: Tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển; thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài sản nhà nước phục vụ kinh tế - xã hội của Quận.

Tiếp tục đẩy mạnh thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tạo quỹ đất “sạch” để đấu giá quyền sử dụng đất. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong công tác quản lý, sử dụng đất. Rà soát và kiên quyết báo cáo Thành phố thu hồi đất đối với những dự án có sử dụng đất chậm triển khai kéo dài trên địa bàn, vi phạm luật đất đai do nguyên nhân chủ quan, tổ chức đấu giá tạo thêm nguồn lực ngân sách cho đầu tư phát triển.

Thứ tư: Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ theo đúng Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/4/2018 của UBND thành phố Hà Nội. Tăng cường thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số: 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chuyên đề số 06/CĐ-QU ngày 28/2/2017 của Ban thường vụ Quận ủy trong công tác quản lý sử dụng vốn ngân sách nhà nước, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công. Bám sát nhiệm vụ được giao tại Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 10/4/2017.

Thứ năm: Tiếp tục triển khai thực hiện Luật NSNN năm 2015, Luật giá và cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiếp tục tuyên truyền, tổ chức thực hiện tốt các quy định của Luật NSNN năm 2015, Luật Phí và lệ phí năm 2015, Luật giá và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Chấp hành nghiêm các quy định về thu phí, lệ phí, quản lý, sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí đã được HĐND thành phố ban hành. Thực hiện tốt công tác thu giá dịch vụ trên địa bàn nhằm đáp ứng mục tiêu giảm chi ngân sách Quận.

Thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công gắn với lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ ngay khi Chính phủ ban hành các nghị định quy định cơ chế tự chủ cho từng lĩnh vực cụ thể.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN BẮC TỪ LIÊM NĂM 2020*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	ƯTH NĂM 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH QUẬN	1.288.533	4.563.932	1.625.261	36%
I	Thu ngân sách quận được hưởng theo phân cấp	1.205.045	1.364.980	1.308.842	96%
-	Thu ngân sách quận hưởng 100%	376.700	610.163	426.400	70%
-	Thu ngân sách quận hưởng từ các khoản thu phân chia	828.345	754.817	882.442	117%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	83.488	84.194	78.249	93%
-	Thu bổ sung cân đối	34.312	34.312	34.312	100%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	49.176	49.882	43.937	88%
III	Thu kết dư		1.826.751	238.170	13%
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.183.007		0%
V	Tạm thu ngân sách (Quận Nam Từ Liêm ứng trước tiền XD hạ tầng dự án Tây tựu, Liên mạc)		105.000		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.288.533	1.895.452	1.625.261	126%
I	Tổng chi cân đối ngân sách quận	1.239.357	1.895.452	1.581.324	128%
1	Chi đầu tư phát triển	509.260	1.077.785	850.070	167%
2	Chi thường xuyên	607.782	695.352	629.005	103%
3	Dự phòng ngân sách	24.787	24.787	30.893	125%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	97.528	97.528	71.356	73%
II	Chi mục tiêu từ NS TP	49.176		43.937	89%

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP QUẬN
VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2020
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	ƯTH năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP QUẬN				
I	Nguồn thu ngân sách	1.574.266	4.492.037	1.564.237	99%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.158.851	1.293.085	1.252.734	97%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	82.415	84.194	73.333	87%
-	Thu bổ sung cân đối	34.312	34.312	34.312	100%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	48.103	49.882	39.021	78%
3	Thu kết dư	333.000	1.826.751	238.170	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	1.183.007	0	
5	Tạm thu ngân sách (Quận Nam Từ Liêm ứng trước tiền XD hạ tầng dự án Tây tựu, Liên mại)		105.000		
II	Chi ngân sách	1.574.266	1.754.357	1.564.237	99%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp quận	1.496.943	1.665.346	1.493.969	100%
2	Chi bổ sung cho ngân sách phường	77.323	89.011	70.268	91%
-	Chi bổ sung cân đối	72.998	72.998	68.447	94%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	4.325	16.013	1.821	42%
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0		0	
B	NGÂN SÁCH PHƯỜNG	0		0	
I	Nguồn thu ngân sách	124.590	160.906	131.291	105%
1	Thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp	46.194	71.895	56.107	78%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp quận	77.323	89.011	70.268	79%
-	Thu bổ sung cân đối	72.998	72.998	68.447	94%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	4.325	16.013	1.821	11%
3	Thu bổ sung từ ngân sách Thành phố	1.073		4.916	
II	Chi ngân sách	124.590	141.095	131.291	105%

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.865.355	1.364.980	3.057.520	1.308.842	107%	96%
1	Thuế công thương nghiệp dịch vụ NQD	1.080.955	378.854	1.251.120	437.892	116%	116%
-	Thuế giá trị gia tăng	486.082	170.129	680.550	238.193	140%	140%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.118	1.091	4.900	1.715	157%	157%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	590.955	206.834	565.670	197.985	96%	96%
-	Thuế tài nguyên	800	800	0	0	0%	0%
2	Lệ phí trước bạ	340.390	185.437	395.200	193.570	116%	104%
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	102.000	102.000	85.000	85.000	83%	83%
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy.	238.390	83.437	310.200	108.570	130%	130%
3	Thuế đất phi nông nghiệp + nhà đất	26.432	26.432	25.000	25.000	95%	95%
4	Thuế thu nhập cá nhân	246.647	86.326	300.800	105.280	122%	122%
5	Phí, lệ phí	23.250	23.250	20.100	20.100	86%	86%
-	Phí, lệ phí Quận	19.750	19.750	16.418	16.418	83%	83%
-	Phí, lệ phí phường	3.500	3.500	3.682	3.682	105%	105%
6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	168.221	168.221	200.000	200.000	119%	119%
7	Thu tiền sử dụng đất	888.037	405.037	827.000	288.700	93%	71%
-	Thu đối với đất có quy mô từ 5000m2 trở lên hoặc dưới 5000m2 tiếp giáp đường phố	690.000	207.000	769.000	230.700	111%	111%
+	Thu giao đất dự án	310.000	93.000	303.000	90.900	98%	98%
+	Thu đất đầu giá	380.000	114.000	466.000	139.800	123%	123%
-	Đất có quy mô dưới 5000m2 (nhỏ lẻ xen kẹt) không tiếp giáp đường phố	198.037	198.037	58.000	58.000	29%	29%
+	Thu đầu giá đất	18.137	18.137	23.000	23.000	127%	127%
+	Thu khác	179.900	179.900	35.000	35.000	19%	19%
8	Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất	2.370	2.370	0	0	0%	0%
9	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	165	165	300	300	182%	182%
10	Thu khác ngân sách	87.288	87.288	38.000	38.000	44%	44%
-	Thu khác ngân sách Quận	85.588	85.588	36.375	36.375	43%	43%
-	Thu khác ngân sách phường	1.700	1.700	1.625	1.625	96%	96%
11	Thu đóng góp cơ sở hạ tầng	1.600	1.600		0	0%	0%

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN, CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN
VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách quận	Chia ra	
			Ngân sách cấp quận	Ngân sách phường
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.625.261	1.493.969	131.291
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN	1.581.323	1.454.948	126.375
I	Chi đầu tư phát triển	850.070	850.070	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	821.200	821.200	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	0		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	259.830	259.830	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0	0	
2	Chi đầu tư phát triển khác	28.870	28.870	
II	Chi thường xuyên	629.005	518.118	110.887
	Trong đó:	0		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	311.518	311.518	
2	Chi khoa học và công nghệ	0		
III	Chi dự phòng ngân sách	30.893	30.893	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	71.356	55.867	15.488
B	CHI MỤC TIÊU NS THÀNH PHỐ	43.937	39.021	4.916

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.625.261
A	CHI NGÂN SÁCH QUẬN THEO LĨNH VỰC	1.581.324
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	850.070
1	Chi đầu tư cho các dự án	821.200
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	459.500
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	30.000
1.4	Chi văn hóa thông tin thể thao	54.800
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	131.400
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	23.500
1.10	Chi bảo đảm xã hội	1.000
1.11	Chi Hạ tầng kỹ thuật khác	121.000
2	Chi đầu tư phát triển khác	28.870
II	Chi thường xuyên	629.005
a)	Chi Ngân sách Quận	519.939
	Trong đó:	
1	Chi quản lý hành chính	64.419
2	Chi SN Giáo dục, đào tạo	311.519
3	Chi SN Y tế	1.636
4	Chi sự nghiệp Dân số - KHHGD	0
5	Chi SN văn hoá thông tin, du lịch	8.183
6	Chi SN thể dục thể thao	1.711
7	Chi đảm bảo xã hội	42.412
8	Chi quốc phòng	4.254
9	Chi An ninh	6.478
10	Chi sự nghiệp kinh tế	24.172
11	Chi SN môi trường	48.161
12	Chi khác	6.994
b)	Chi ngân sách Phường	109.066
III	Dự phòng ngân sách	30.893
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	71.356
B	CHI MỤC TIÊU NS THÀNH PHỐ	43.937

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM 2020					
		Tổng dự toán	Chi ĐTXD	Chi thường xuyên	Chi dự phòng	Chi dành nguồn CCTL	Chi chương trình MTQG, TP
	<u>Tổng chi</u>	1.625.261.000	850.070.000	629.005.000	30.893.000	71.356.000	43.937.000
A	<u>Chi NS quận</u>	1.493.969.099	850.070.000	518.118.202	30.893.000	55.867.397	39.020.500
I	Các đơn vị của Quận	522.233.948	0	490.358.448	0		31.875.500
1	Văn phòng Quận uỷ	20.211.688	0	12.327.688			7.884.000
2	Mặt trận tổ quốc	1.708.511	0	1.708.511			
3	Hội phụ nữ	1.664.937	0	1.664.937			
5	Hội CCB	812.743	0	812.743			
6	Văn phòng HĐND-UBND	11.812.989	0	11.812.989			
7	Phòng TNMT	4.685.550	0	4.685.550			
8	Phòng tư pháp	1.333.790	0	1.333.790			
9	Phòng quản lý đô thị	5.226.515	0	5.226.515			
10	Phòng lao động TBXH	42.993.539	0	36.938.039			6.055.500
13	Phòng kinh tế	4.218.226	0	4.218.226			
14	Phòng văn hóa thông tin	9.609.832	0	9.609.832			
15	Phòng nội vụ	7.028.488	0	7.028.488			
16	Phòng thanh tra	1.650.978	0	1.650.978			
17	Trạm chăn nuôi và thú y	210.000	0	210.000			
18	Trạm khuyến nông, Bảo vệ thực vật	150.000	0	150.000			
19	Phòng giáo dục và đào tạo	17.861.113	0	16.241.315			1.619.798
20	Khối mầm non	88.102.754	0	84.443.046			3.659.708
21	Khối tiểu học	128.556.049	0	120.582.555			7.973.494
22	Khối THCS	83.037.357	0	83.037.357			
23	TTBD Chính trị	2.012.348	0	2.012.348			
24	Phòng y tế	1.481.892	0	1.481.892			
26	Phòng tài chính - Kế hoạch	2.369.261		2.369.261			
28	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	5.152.074	0	469.074			4.683.000
29	TT văn hoá thông tin và thể thao	5.689.846	0	5.689.846			
31	Ban quản lý dự án ĐTXD	70.241.000	0	70.241.000			

TT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM 2020					
		Tổng dự toán	Chi ĐTXD	Chi thường xuyên	Chi dự phòng	Chi dành nguồn CCTL	Chi chương trình MTQG, TP
32	Đoàn thanh niên CSHCM	1.787.794	0	1.787.794			
33	Trung tâm phát triển quỹ đất	2.624.674	0	2.624.674			
II	Các đơn vị khác	30.598.222	0	23.453.722	0		7.144.500
1	BCH quân sự	4.254.419	0	4.254.419			
2	Công an	5.344.893	0	5.344.893			
3	BQL chợ Từ Liêm	0	0	0			
4	Ban chỉ đạo 389 (Đội QLTT số 28)	200.000	0	200.000			
5	Tòa án nhân dân	100.000	0	100.000			
6	Kho bạc nhà nước	250.000	0	250.000			
7	Chi cục thuế	500.000	0	500.000			
8	Chi cục thống kê	360.410	0	360.410			
9	PGD Ngân hàng chính sách XH	5.150.000	0	5.150.000			
10	Liên đoàn lao động	100.000	0	100.000			
12	Viện kiểm sát nhân dân	100.000	0	100.000			
13	Chi cục Thi hành án	150.000	0	150.000			
14	Bảo hiểm xã hội	13.753.500	0	6.609.000			7.144.500
15	Trung tâm y tế	260.000	0	260.000			
16	Thanh tra giao thông	75.000		75.000			
III	Chi hỗ trợ tổ chức XH và XHNN	3.019.655	0	3.019.655	0		0
1	Hội người mù	529.107	0	529.107			
2	Hội chữ thập đỏ	836.631	0	836.631			
3	Ban đại diện người cao tuổi	210.990	0	210.990			
4	Hội người khuyết tật	265.272	0	265.272			
5	Hội nạn nhân chất độc da cam	150.000	0	150.000			
6	Hội khuyến học	202.272	0	202.272			
7	Hội luật gia	246.111	0	246.111			
8	Hội cựu TNXP	232.272		232.272			
9	Hội cựu giáo chức	50.000		50.000			
10	Hội đông y	167.000	0	167.000			
11	Chi hội kế toán	130.000		130.000			
IV	KP điều hành chung	1.286.877	0	1.286.377			500
V	Dự phòng	30.893.000	0	0	30.893.000		
VI	Chi dành nguồn CCTL	55.867.397		0		55.867.397	

TT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM 2020					
		Tổng dự toán	Chi ĐTXD	Chi thường xuyên	Chi dự phòng	Chi dành nguồn CCTL	Chi chương trình MTQG, TP
B	Chi Ngân sách Phường	131.291.901	0	110.886.798	0	15.488.603	4.916.500
I	Chi cân đối ngân sách Phường	109.065.911	0	109.065.911			
II	Bổ sung mục tiêu ngân sách quận	1.820.887		1.820.887			
III	Bổ sung mục tiêu ngân sách Thành phố	4.916.500		0			4.916.500
IV	Chi dành nguồn CCTL	15.488.603		0		15.488.603	

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ (Công trình HTXH Giáo dục)	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN - THỂ DỤC THỂ THAO	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ					CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (Công trình HTXH cơ quan hành chính)	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI HỖ TRỢ KHÁC
							CHI HTKT Giao thông	Công trình HTKT Cấp, thoát nước	Công trình HTKT khác	Công trình HTXH công viên - cây xanh	XD HTKT các dự án đầu tư, đất đai dịch vụ sẽ thu hồi từ thu đầu tư, thu sử dụng đất của người dân			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	821.200	457.500	30.000	56.800	252.400	131.400	0	73.000	13.000	35.000	24.500	0	0
1	Ban QLDA ĐTXD Quận	733.400	449.000	30.000	36.500	201.400	122.400		71.000	8.000		16.500		
2	Trung tâm phát triển quỹ đất Quận	37.000				37.000			2.000		35.000			
3	Phòng giáo dục và đào tạo	8.500	8.500											
4	UBND phường Liên Mạc	5.500			500	5.000	5.000							
5	UBND phường Cổ Nhuế 1	5.000				0						5.000		
6	UBND phường Cổ Nhuế 2	1.000				1.000	1.000							
7	UBND phường Phú Diễn	2.000			2.000	0								
8	UBND phường Phúc Diễn	3.000				3.000	3.000							
9	UBND phường Minh Khai	8.000			8.000	0								
10	UBND phường Đông Ngạc	8.800			5.800	0						3.000		
11	UBND phường Tây Tựu	9.000			4.000	5.000				5.000				

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Nghìn đồng

DỰ TOÁN NĂM 2020																			
TT	Tên đơn vị	Mã đơn vị SDNS	Chi thường xuyên (theo lĩnh vực)																Chi chương trình MTQG, TP
			Tổng dự toán	Chi DTXD	Tổng chi cân đối ngân sách quận	Bao gồm													
						QLHC Băng, đoàn thể	SN môi trường	SN kinh tế	SN GDĐT	SN y tế	SN VH-TT	SN phát thanh	SN TĐTT	SN Dân số, gia đình	SN đảm bảo xã hội	An Ninh	Quốc Phòng	Chi khác	
1	Các đơn vị của Quận		522.233.948	0	490.358.448	59.846.553	48.161.440	24.172.020	311.518.881	1.072.616	8.062.806	0	1.710.420	0	35.813.712	0	0	0	31.875.500
1	Văn phòng Quận ủy	1119979	20.211.688	0	12.327.688	12.327.688													7.884.000
2	Mặt trận tổ quốc	1119979	1.708.511	0	1.708.511	1.708.511													
3	Hội phụ nữ	1119979	1.664.937	0	1.664.937	1.664.937													
5	Hội CCB	1119979	812.743	0	812.743	812.743													
6	Văn phòng HĐND-UBND	1119816	11.812.989	0	11.812.989	11.812.989													
7	Phòng TNMT	1124993	4.685.550	0	4.685.550	2.305.710	1.293.440	1.086.400											
8	Phòng tư pháp	1126716	1.333.790	0	1.333.790	1.333.790													
9	Phòng quản lý đô thị	1126758	5.226.515	0	5.226.515	1.241.515		3.985.000											
10	Phòng lao động TBXH	1119821	42.993.539	0	36.958.039	1.124.327									35.813.712				6.055.500
13	Phòng kinh tế	1126520	4.218.226	0	4.218.226	1.999.186		1.887.620		331.420									
14	Phòng văn hóa thông tin	1124990	9.609.832	0	9.609.832	5.326.452		200.000		3.916.280		167.100							
15	Phòng nội vụ	1126759	7.028.488	0	7.028.488	7.028.488													
16	Phòng thanh tra	1126715	1.650.978	0	1.650.978	1.650.978													
17	Trạm chăn nuôi và thú y	1119816	210.000	0	210.000			210.000											
18	Trạm khuyến nông, Bảo vệ thực vật	1119816	150.000	0	150.000			150.000											
19	Phòng giáo dục và đào tạo	1119818	17.861.113	0	16.241.315	1.517.740			14.723.575										1.619.798
20	Khởi mầm non		88.102.754	0	84.443.046				84.443.046										3.659.708
21	Khởi tiểu học		128.556.049	0	120.582.555				120.582.555										7.973.494
22	Khởi THCS		83.037.357	0	83.037.357				83.037.357										
23	TTBD Chính trị	1119984	2.012.348	0	2.012.348				2.012.348										
24	Phòng y tế	1119819	1.481.892	0	1.481.892	740.696				741.196									
26	Phòng tài chính - Kế hoạch	1119827	2.369.261		2.369.261	2.369.261													
28	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	1093169	5.152.074	0	469.074	469.074													4.683.000
29	TT văn hóa thông tin và thể thao	1119823	5.689.846	0	5.689.846					4.146.526		1.543.320							
31	Ban quản lý dự án DTXD	1119822	70.241.000	0	70.241.000		46.868.000	16.653.000	6.720.000										

DỰ TOÁN NĂM 2020																			
TT	Tên đơn vị	Mã đơn vị SDNS	Chi thường xuyên (theo lĩnh vực)																Chi chương trình MTQG, TP
			Tổng dự toán	Chi ĐTXD	Tổng chi cân đối ngân sách quận	Bao gồm													
						QLHC Đảng, đoàn thể	SN môi trường	SN kinh tế	SN GDDT	SN y tế	SN VH-TT	SN phát thanh	SN TDTT	SN Dân số, gia đình	SN đảm bảo xã hội	An Ninh	Quốc Phòng	Chi khác	
32	Đoàn thanh niên CSHCM	1119980	1.787.794	0	1.787.794	1.787.794													
33	Trung tâm phát triển quỹ đất	1119826	2.624.674	0	2.624.674	2.624.674													
II	Các đơn vị khác		30.598.222	0	23.453.722	100.000	0	0	0	260.000	0	0	0	0	0	6.500.000	5.344.893	4.254.419	6.994.410
1	BCH quân sự	1053630	4.254.419	0	4.254.419													4.254.419	
2	Công an	1053629	5.344.893	0	5.344.893											5.344.893			
3	BQL chợ Tú Liêm	1119828	0	0															
4	Ban chỉ đạo 389 (Độc QLTT số 28)	1119946	200.000	0	200.000														200.000
5	Tòa án nhân dân	1120182	100.000	0	100.000														100.000
6	Kho bạc nhà nước	1119799	250.000	0	250.000														250.000
7	Chi cục thuế	1119800	500.000	0	500.000														500.000
8	Chi cục thống kê	1120012	360.410	0	360.410														360.410
9	PGD Ngân hàng chính sách XH	3008763	5.150.000	0	5.150.000														5.150.000
10	Liên đoàn lao động	3015785	100.000	0	100.000	100.000													100.000
12	Viện kiểm sát nhân dân	1119919	100.000	0	100.000														150.000
13	Chi cục Thi hành án	1119920	150.000	0	150.000														
14	Bảo hiểm xã hội	1120110	13.753.500	0	6.609.000											6.500.000		109.000	7.144.500
15	Trung tâm y tế	1119938	260.000	0	260.000					260.000									
16	Thanh tra giao thông	1119816	75.000		75.000														75.000
III	Chi hỗ trợ tổ chức XH và XHNN		3.019.655	0	3.019.655	3.019.655	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Hội người mù	1120286	529.107	0	529.107	529.107													
2	Hội chữ thập đỏ	1120131	836.631	0	836.631	836.631													
3	Ban đại diện người cao tuổi	1119979	210.990	0	210.990	210.990													
4	Hội người khuyết tật	1119816	265.272	0	265.272	265.272													
5	Hội nạn nhân chất độc da cam	1119816	150.000	0	150.000	150.000													
6	Hội khuyến học	1119816	202.272	0	202.272	202.272													
7	Hội luật gia	1119816	246.111	0	246.111	246.111													
8	Hội cựu TNXP	1119980	232.272		232.272	232.272													
9	Hội cựu giáo chức	1119816	50.000		50.000	50.000													
10	Hội đồng y	1119816	167.000	0	167.000	167.000													
11	Chi hội kế toán	1119827	130.000		130.000	130.000													

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy kế vốn đã bố trí từ khối công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020						
				Số	Ngày, tháng, năm	TMBT		Khả năng thực hiện KH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019		Giảm ngân sách ngày 15/11/2019	Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)	Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn tiết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	248	2.020	#VALUE!	#VALUE!	8.071.869	801.358	375.682	570.780	1.077.782	2.352.989	813.200	193.200	259.830	123.000	237.170
A	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	40	2.020	#VALUE!	#VALUE!	1.186.191	99.401	883	1.545	4.510	5.210	353.000	180.800	102.500	38.700	31.000
B	THỰC HIỆN DỰ ÁN	199	-	#VALUE!	#VALUE!	6.153.958	701.957	361.591	546.191	999.444	1.956.959	425.200	12.400	157.330	49.300	206.170
C	Các dự án bố trí vốn ngân sách Quận cho công tác đến h GPMB, XD HTKT các dự án đầu tư, cải thiện hạ tầng đô thị từ thu đất đai, thu sử dụng đất của người dân	9	-	-	-	737.730	-	13.200	23.043	73.827	390.817	35.000	-	-	35.000	-
A	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	40	2.020	#VALUE!	#VALUE!	1.186.191	99.401	883	1.545	4.510	5.210	353.000	180.800	102.500	38.700	31.000
	Dự án chuyển tiếp	22	-	-	-	920.848	99.401	883	1.545	3.650	4.350	250.000	149.800	88.200	-	12.000
	Dự án mới	18	2.020	-	-	259.343	-	-	-	860	860	103.000	31.000	14.300	38.700	19.000
I	Công trình HTKT Giao thông	4	2.020	-	-	43.739	-	-	-	-	100	9.000	-	-	5.000	4.000
I.1	Dự án chuyển tiếp	3	-	-	-	2.384	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-
I	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước cụm 5.6 Tô dân phố Tân Phong, phường Thụy Phương	1	2019-2020	Số 4764/QĐ-UBND	27/10/2015	2.386	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-
I.2	Dự án mới	3	2020	0	43739	13239	0	0	0	0	0	9.000	-	-	5.000	4.000
I	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 16 đường Cổ Nhuế và ngõ 178 TDP Trú 5 (từ đường Cổ Nhuế đến đường liên TDP), phường Cổ Nhuế 2	1	2020	Số 4595/QĐ-UBND	26/10/2015	1.740	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	1.000
2	Xây dựng hạ tầng và cải tạo môi trường ao Cá, phường Tây Tựu	1	-	145/QĐ-UBND	43.739	6.800	-	-	-	-	5.000	-	-	-	5.000	-
3	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 01 đường Đức Diễn; ngõ 05,15 và 86 đường Phú Kiêu; ngõ 189 đường Cầu Diễn; ngõ 02 đường Phúc Diễn	1	2019-2020	Số 2656/QĐ-UBND	24/5/2019	4.699	-	-	-	-	3.000	-	-	-	-	3.000
II	Công trình HTXH Giáo dục	16	-	-	-	833.561	79.401	883	1.313	3.800	4.000	249.000	180.800	68.200	-	-
II.1	Dự án chuyển tiếp	3	-	-	-	741.200	79.401	883	1.313	3.100	3.300	218.000	149.800	68.200	-	-
1	Xây dựng bổ sung phòng học trường THCS Thụy Phương	1	2019-2020	Số 987/QĐ-UBND	31/3/2016	19.026	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Cải tạo, nâng cấp móng nền non Cổ Nhuế 2	1	2018-2020	Số 1670/QĐ-UBND	ngày 29/4/2016	26.871	-	-	102	102	600	23.000	23.000	-	-	-
3	Xây dựng trường trung học cơ sở chất lượng cao Bắc Từ Liêm	1	2016-2020	Số 1659/QĐ-UBND	29/4/2016	188.350	19.760	-	-	500	500	38.000	38.000	-	-	-
4	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Minh Khai A	1	2019-2020	Số 55/TTHND	20/6/2016	44.999	-	-	-	100	200	40.000	20.000	20.000	-	-
5	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (NT - 01)	1	2016-2023	Số 1658/QĐ-UBND	29/4/2016	114.587	18.464	-	-	500	500	29.000	29.000	-	-	-
6	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (NT - 02)	1	2019-2023	Số 1662/QĐ-UBND	29/4/2016	94.372	2.000	45	237	500	500	24.000	24.000	-	-	-
7	Xây dựng trường THCS trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (THCS - 01)	1	2019-2023	Số 1661/QĐ-UBND	29/4/2016	141.573	24.000	474	474	500	500	36.000	15.800	20.200	-	-
8	Xây dựng trường Tiểu học trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (TH - 01)	1	2019-2023	Số 1660/QĐ-UBND	29/4/2016	111.430	15.177	264	500	500	500	28.000	-	28.000	-	-
II.2	Dự án mới	13	-	-	-	92.351	-	-	-	700	700	31.000	31.000	-	-	-

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT/Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy kế vốn để bố trí từ thời điểm công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMDT		Khả năng thực hiện KCH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)		Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn tài chính sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn tiết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
1	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Thụy Phương, phường Thụy Phương	1	2020-2021	5241/QĐ-UBND	26/9/2019	3.943				100	100	3.000	3.000			
2	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Thương Cát, phường Thương Cát	1	2020-2021	5242/QĐ-UBND	26/9/2019	6.092				100	100	4.700	4.700			
3	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Đồng Ngạc A, phường Đồng Ngạc	1	2020-2021	5243/QĐ-UBND	26/9/2019	6.453				100	100	5.000	5.000			
4	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Đồng Ngạc B, phường Đồng Ngạc	1	2020-2021	5244/QĐ-UBND	26/9/2019	8.585				100	100	6.700	6.700			
5	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Đức Thắng, phường Đức Thắng	1	2020-2021	5245/QĐ-UBND	26/9/2019	3.963				100	100	3.000	3.000			
6	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Phú Diễn, phường Phú Diễn	1	2020-2021	5246/QĐ-UBND	26/9/2019	4.561				100	100	3.500	3.500			
7	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường THCS Đức Thắng, phường Đức Thắng	1	2020-2021	5247/QĐ-UBND	26/9/2019	6.510				100	100	5.100	5.100			
8	Xây dựng mới trường mầm non Thương Cát	1	2020-2024	Số 1664/QĐ-UBND	29/4/2016	52.247						-	-			
III	Lĩnh vực Văn hóa - TDTT	10				110.254	20.000	-	-	250	350	22.000	-	22.000	-	-
III.1	Dự án chuyển tiếp	9				106.075	20.000	-	-	250	350	20.000	-	20.000	-	-
1	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố Thượng Cát 4, phường Thượng Cát	1	2017-2019	3397/QĐ-UBND,	ngày 31/8/2015	3.000						-	-			
2	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố Hạ 11 phường Tây Tựu	1	2017-2018	Số 4799/QĐ-UBND,	ngày 28/10/2015	3.000						-	-			
3	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố số 1 và số 5, phường Cổ Nhuế 2	1	2019-2020	Số 4775/QĐ-UBND	28/10/2015	3.761						-	-			
4	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Lãn Mạc	1	2018-2020	3594/QĐ-UBND,	ngày 17/9/2015	44.510	20.000			250	350	20.000		20.000		
5	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố Trung 3, phường Xuân Đình	1	2018-2019	Số 8266/QĐ-UBND	31/10/2017	4.111						-	-			
6	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao phường Xuân Tảo	1	2018-2020	126/TT HĐND	ngày 12/6/2017	34.397						-	-			
7	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố số 7, phường Xuân Tảo	1	2018-2019	612/QĐ-UBND,	ngày 2/3/2016	4.342						-	-			
8	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi ở dân phố Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2	1	2019-2020	Số 2128/QĐ-UBND	17/5/2018	4.754						-	-			
9	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố số 5 và số 7, phường Đức Thắng	1	2019-2020	Số 5011/QĐ-UBND	Ngày 31/10/2015	4.200						-	-			
III.2	Dự án mới	1				4.281		-	-	-		2.000		2.000		-
1	Cải tạo trạm y tế (cũ) tỉnh nhà văn hóa TDP 7,8,9, phường Phú Diễn	1	2020-2021	5248/QĐ-UBND	26/9/2019	4.281						2.000		2.000		
IV	Công trình HTXH Văn hóa di tích lịch sử	1				19.890		-	-	160	160	8.000		8.000		-
IV.1	Dự án chuyển tiếp											-				

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTBT/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019					Lấy kế vốn đã bố trí từ khối công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMĐT		Khối lượng thực hiện KN2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)		Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTT	Nguồn kết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
IV.2	Dự án mới	1				19.896	-	-	-	160	160	8.000	-	8.000	-	-
1	Tu bổ, tôn tạo đình Tây Tuna, phường Tây Tựu	1	2019-2020	Số 2728/QĐ-UBND	24/5/2019	19.898	-	-	-	160	160	8.000	-	8.000	-	-
V	Công trình HTXH Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V.1	Dự án chuyển tiếp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V.2	Dự án mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VI	Công trình HTXH ở khu hành chính	4				60.692	-	-	-	-	200	8.000	-	8.000	-	-
VI.1	Dự án chuyển tiếp	2				48.285	-	-	-	-	240	-	-	-	-	-
1	Xây dựng trụ sở làm việc phường Xuân Tảo	1	2018-2019	Số 4974/QĐ-UBND	31/10/2015	33.300	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-
2	Cải tạo, sửa chữa bộ sung phòng làm việc trụ sở phường Xuân Đình	1	2019-2020	Số 1560/QĐ-UBND	22/4/2016	14.986	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-
VI.2	Dự án mới	2				12409	0	0	0	0	0	8000	0	0	8000	0
1	Cải tạo, chỉnh trang trụ sở UBND phường Cổ Nhuế 1	1	2019-2020	Số 2726/QĐ-UBND	24/5/2019	9.000	-	-	-	-	-	5.000	-	-	5.000	-
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Đồng Ngạc	1	2019-2020	Số 2727/QĐ-UBND	24/5/2019	3.409	-	-	-	-	-	3.000	-	-	3.000	-
VII	Công trình HTXH công viên - cây xanh	1				9.293	0	0	0	0	100	0	0	0	0	0
VII.1	Dự án chuyển tiếp	1				9.293	0	0	0	0	100	0	0	0	0	0
1	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh số Đại quân 11, số Đồng Rm, phường Tây Tựu	1	2017-2019	Số 5153/QĐ-UBND	27/10/2016	9.293	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-
VII.2	Dự án mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VIII	Công trình HTKT khác	3				54.589	-	-	232	300	300	27.000	-	-	-	27.000
VIII.1	Dự án chuyển tiếp	1				13.600	-	-	232	300	300	12.000	-	-	-	12.000
1	Bảo dưỡng và lắp đặt bổ sung hệ thống phòng cháy chữa cháy các trường: THCS Liên Mạc, Đồng Ngạc, Thượng Cát, Tây Tựu và trường mầm non Tây Tựu (cơ sở 3)	1		Số 5431/QĐ-UBND	4/10/2018	13.600	-	-	232	300	300	12.000	-	-	-	12.000
VIII.2	Dự án mới	2				40.989	-	-	-	-	-	15.000	-	-	-	15.000
1	Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy chợ dân sinh TDP Đồng Ba - Thượng Cát, phường Thượng Cát	1	2019-2020	Số 2864/QĐ-UBND	3/6/2019	1.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Lắp đặt bổ sung hệ thống chiếu sáng công cộng tại các ngõ xóm trên địa bàn 13 phường và 6 tuyến thuộc quận Bắc Từ Liêm	1				39.789	-	-	-	-	-	15.000	-	-	-	15.000
IX	Công trình HTKT Y tế	3				76.173	-	-	-	-	-	30.000	-	4.300	25.700	-
IX.1	Dự án chuyển tiếp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IX.2	Dự án mới	-	-	-	-	76.173	-	-	-	-	-	30.000	-	4.300	25.700	-
1	Xây dựng trung tâm y tế quận Bắc Từ Liêm	-	-	-	-	76.173	-	-	-	-	-	30.000	-	4.300	25.700	-
B	THỰC HIỆN DỰ ÁN	199	-	#VALUE!	#VALUE!	6.153.936	701.957	361.591	546.192	999.446	1.956.956	425.200	12.400	157.330	49.300	206.170
1	Hỗ trợ	3	-	-	-	15.325	-	-	5.000	10.145	10.145	-	-	-	-	-
2	Dự án chuyển tiếp	137	-	#VALUE!	#VALUE!	3.283.162	296.989	236.030	258.267	481.297	1.314.897	153.400	2.400	64.500	15.500	71.000
	-Dự án chuyển tiếp 4 hoàn thành trước năm 2019, ghi đủ vốn theo giá trị quyết toán được duyệt	45	-	#VALUE!	#VALUE!	340.500	-	11.279	11.279	20.130	20.130	-	-	-	-	-

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTBT/Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy kế vốn để bố trí từ khối công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMĐT		Khối lượng thực hiện KH2019 (từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019)	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)		Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trung đối GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn kết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
	- Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	83	-	-	43.005	2.223.022	177.841	127.286	143.012	287.636	886.817	41.900	2.400	33.500	5.500	500
	- Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019	9	-	-	-	719.560	119.148	97.473	103.976	173.615	407.940	111.500	-	31.000	10.000	70.500
3	Dự án mới	66	-	-	-	2.855.467	404.968	125.553	281.596	502.716	626.786	263.369	18.000	92.830	25.300	135.170
	- Dự án mới hoàn thành năm 2019	47	-	-	-	254.573	17.050	80.486	121.767	170.689	173.389	25.300	-	8.000	17.300	-
	- Dự án mới hoàn thành sau năm 2019	19	-	-	-	2.600.893	387.918	45.067	159.829	332.027	453.397	238.069	10.000	84.830	8.000	135.170
4	Chương trình đầu tư công								1.320	5.200	5.200	8.500	-	-	8.500	-
	DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG															
1	Công trình HTKT Giao thông	62	-	-	43.383	2.989.862	228.419	94.660	153.960	257.300	624.310	188.400	2.400	51.000	-	55.000
1.1	Dự án chuyển tiếp	38	-	-	-	1.042.673	35.397	32.510	36.249	83.517	447.520	5.400	2.400	3.000	-	-
*	Dự án chuyển tiếp đi hoàn thành trước năm 2019, giải ngân theo giá trị quyết toán được duyệt	16	-	-	-	105.336	-	4.210	4.210	6.710	6.710	-	-	-	-	-
1	Chỉnh trang đường và xây dựng hệ thống thoát nước ngõ 351 từ dốc Bạc tổ dân phố Bính đến dốc Chấn Chém ở dân phố Đại Đồng (Giai đoạn 1), phường Thụy Phương	1		Số 5196/QĐ-UBND	21/10/2016	2.422		281	281	282	282					
2	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP số 9 và TDP số 10 (Từ trạm bơm đến kho gạo), phường Phúc Diễn.	1		5230/QĐ-UBND	28/10/2016	1.594				228	228					
3	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Tuyến 1, TDP Tân Nhuệ (Từ Chợ Thụy Phương đến HTX Hải Phong); TDP Hồng Ngự, Đồng Sen, Đình, Đại Đồng, phường Thụy Phương	1		5382/QĐ-UBND	31/10/2016	1.608				692	692					
4	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước, kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố Nhật Tảo 2, phường Đồng Ngạc	1		5229/QĐ-UBND	28/10/2016	1.285				20	20					
5	Chỉnh trang đường, sinh thoát nước ngõ 12, 217, 307, 337, 337/101, 397 đường Phạm Văn Đồng & đường vào khu tập thể Học viện kỹ thuật quân sự	1	2018-2019	5240/QĐ-UBND	28/10/2016	4.250		483	483	487	487					
6	Chỉnh trang đường, sinh thoát nước ngõ 4, ngõ 6 đường Đồng Ngạc TDP Đồng Ngạc 1, ngõ 139 đường Đồng Ngạc TDP Đồng Ngạc 4 và ngõ 94+96 đường Tân Xuân TDP Nhật Tảo 4, phường Đồng Ngạc	1		Số 8111/QĐ-UBND	30/10/2017	2.343		230	230	231	231					
7	Cải tạo đường, sinh thoát nước nhánh 521/71/ đường An Dương Vương TDP Nhật Tảo 2, nhánh 35/58 TDP Đồng Ngạc 2, nhánh 21/18 TDP Đồng Ngạc 6, nhánh 104/31 tập thể 8 (tổng TDP Đồng Ngạc 8, ngõ tập thể kinh doanh nhà TDP Đồng Ngạc 7, phường Đồng Ngạc - giai đoạn 1	1		Số 5236/QĐ-UBND	28/10/2016	1.382		231	231	253	253					
8	Chỉnh trang đường, sinh thoát nước ngõ 147 đường Xuân Đình, TDP1: từ nhà ông Đồng Ngạc Đồng đến khu dân cư đình làm nhà văn hóa ở 1 và ngõ 126 đường Xuân Đình, TDP3: từ nhà ông Nguyễn Văn Minh đến nhà ông Nguyễn Xuân Yêm, phường Xuân Tảo	1	2017-2018	Số 5201/QĐ-UBND	27/10/2016	1.684		76	76	117	117					
9	Cải tạo đường, sinh thoát nước TDP Thượng Cát 1, 2, 3 phường Thượng Cát	1		Số 5385/QĐ-UBND	31/10/2016	2.981		210	210	232	232					

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT/Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy kế vốn đi bổ trợ từ khác công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMĐT		Khởi động thực hiện KH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)		Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn kết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
10	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Phúc Lý 1,2,3,4 phường Minh Khai	1		Số 5238/QĐ-UBND	28/10/2016	4.774		324	324	339	339	-				
11	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tuyến đường từ dốc đá đến xóm Đồng tổ dân phố Th vọng Cát 4 và cải tạo hệ thống thoát nước tuyến đường từ hồ Đồng đến đường 70, phường Thượng Cát	1		Số 5386/QĐ-UBND	31/10/2016	2.914				888	888	-				
12	Chỉnh trang đường rãnh thoát nước TDP Thượng 1,2,3,4,5,6,7,8 và TDP Hạ 9,10,11,12 phường Tây Tựu	1		Số 5239/QĐ-UBND	28/10/2016	2.765	234		234	383	383	-				
13	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 105 đường Xuân La: Lấn mới, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước tại TDP số 6, 7, 8 phường Xuân Tảo	1		Số 7999/QĐ-UBND,	ngày 27/10/2017	7.954	561		561	565	565	-				
14	Xây dựng và cải tạo hệ thống giao thông vùng hoa Tây Tựu	1		1319/QĐ-UBND,	ngày 29/5/2007	50.847		1.075	1.075	1.076	1.076	-				
15	Xây dựng cầu V qua sông Pheo, phường Minh Khai	1		Số 6643/QĐ-UBND	21/10/2013	13.777		505	505	570	570	-				
16	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Cầu 7, phường Thụy Phương	1		Số 4575/QĐ-UBND	23/10/2015	2.750				350	350	-				
L1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	22	-	-	-	937.343	35.397	28.300	32.035	76.084	440.810	5.400	2.400	3.000	-	-
1	Xây dựng tuyến đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đi đường vành đai 4	1	2009-2019	2586/QĐ-UBND,	ngày 07/4/2008	474.742		15.652	15.652	30.000	345.160	-				
2	Xây dựng tuyến đường Phúc Lý, Minh Khai (nối tiếp từ đường Phúc Diễn - Tây Tựu đến đồng vào khu trung tâm hành chính quận Bắc Từ Liêm)	1	2017-2019	6410/QĐ-UBND	11/9/2017	74.562	32.397	5.123	8.862	19.985	52.289	-				
3	Xây dựng tuyến đường vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long (Nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài)	1		3917/QĐ-UBND	23/6/2004	206.092				2.700	2.700	-				
4	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 155, 205/102, 205/37/16, 205/37/26 và ngõ 205/189 đường Xuân Đình	1	2018-2019	Số 8092/QĐ-UBND,	ngày 27/10/2017	2.097				378	378	-				
5	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 333, ngõ 333/48, ngõ 401 và các ngách nối với đường Xuân Đình; ngõ 207/167, ngõ 207/7 và ngõ 301, ngõ 306 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình	1	2018-2019	6411/QĐ-UBND	11/9/2017	2.107	529		529	529	529	-				
6	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 1,2 TT diện cư, ngõ 9, 10A, 10B, ngõ 1 đường Cầu Vòng, phường Đức Thắng	1	2018-2019	5069/QĐ-UBND	14/7/2017	783				85	85	-				
7	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Yên Nội 1, 2, 3, phường Liên Mạc	1	2018-2019	8275/QĐ-UBND	31/10/2017	11.039		1.255	1.255	4.793	4.793	-				

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTBT/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy kế vốn để bố trí từ kinh phí công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020					
				Số	Ngày, tháng, năm	TMDT		Giải ngân đến ngày 15/11/2019		Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)	Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB					Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn tiết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14				
8	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Hoàng Liên 1, 2 và Hoàng Xá, phường Liên Mạc	1	2018-2019	8111/QĐ-UBND	30/10/2017	3.265		-	-	330	330	-			
9	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bờ Đông sông Pheo, phường Tây Tựu	1	2017-2018	5381/QĐ-UBND	ngày 31/10/2016	13.611		112	112	3.132	3.132	-			
10	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP Hạ 9 (3 ngõ, ngách); Hạ 12(4 ngõ, ngách); TDP Hạ 11, 12 (6 ngõ, ngách); TDP Hạ 11, phường Tây Tựu	1	2018-2019	8084/QĐ-UBND	27/10/2017	1.190		208	208	259	259	-			
11	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Đức Diễn, phường Phúc Diễn	1	2017-2018	Số 5223/QĐ-UBND,	ngày 28/10/2016	7.923		-	-	413	413	-			
12	Xây dựng tuyến đường nối từ đường chung cư 11 tầng - cục quản trị A phường Cổ Nhuế 1 đi đường Phạm Văn Đồng	1	2017-2018	Số 4912/QĐ-UBND	ngày 30/10/2015	8.000	3.000	-	-	1.051	1.051	3.000	3.000		
13	Xây dựng tuyến đường Ao Sen (Giáp tường tiểu học Thụy Phương đi qua ngõ 125, qua Đai tường niệm liệt sỹ đến ngõ 123), phường Thụy Phương	1	2017-2019	Số 5377/QĐ-UBND,	ngày 31/10/2016	8.717	1.359	-	1.359	1.640	1.640	-			
14	Cải tạo, nâng cấp đường ngõ 70 phố Trung Tựu tổ dân phố 8, phường Tây Tựu	1	2018-2019	8083/QĐ-UBND	ngày 27/10/2017	4.148		-	-	592	592	-			
15	Cải tạo, chỉnh trang lát hè bê tông vỉa hè đảm bảo văn minh đô thị các khu nhà ở phường Cổ Nhuế 1 (ngõ 2, 42, 120, 198, 208 Tân Cung)	1	2018-2019	Số 8169/QĐ-UBND,	30/10/2017	2.346		-	-	523	523	-			
16	Cải tạo, chỉnh trang lát hè, bê tông vỉa hè khu đầu giá xây dựng nhà ở thấp tầng và khu nhà ở cao tầng thuộc phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm	1	2018-2019	Số 8168/QĐ-UBND,	30/10/2017	6.012		-	-	285	285	-			
17	Duy tu, sửa chữa tuyến đường cơ sở 5m, phường Đồng Ngọc	1	2018-2019	8095/QĐ-UBND	27/10/2017	3.206	945	-	945	1.643	1.643	-			
18	Nâng cấp, cải tạo đường dọc 2 bờ sông Pheo, phường Minh Khai	1	2017-2019	8081/QĐ-UBND	27/10/2017	12.871		1.823	1.823	1.950	11.750	-			
19	Cải tạo, đường dẫn thoát nước tuyến đường từ đường 69 Cổ Nhuế đi Cầu Núi, phường Cổ Nhuế 2	1	2018-2019	7979/QĐ-UBND,	ngày 25/10/2017	5.820		127	127	1.000	5.500	-			
20	Cải tạo đường, chỉnh trang thoát nước TDP Hoàng Liên 1, 2, 3 và Hoàng Xá, phường Liên Mạc (giai đoạn 1)	1	2018-2019	Số 8278/QĐ-UBND,	ngày 31/10/2017	3.815		1.161	1.161	1.200	3.444	-			
21	Đường nghĩa trang Thương Cát nối đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long ra đi đường vành đai 4	1	2009-2020	1780/QĐ-UBND,	ngày 14/4/2009	37.668		-	-	500	500	1.000	1.000		
22	Xây dựng tuyến đường ao Dải, phường Đức Thắng (đoạn từ Hoàng Tăng Bí đến đường xóm 6)	1	2016-2020	3547/QĐ-UBND,	ngày 31/10/2015	47.329		-	-	3.800	3.800	1.400	1.400		
L.1.3	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
L.2	Dự án mới	25	-	43.382		1.947.189	193.022	62.150	117.711	173.787	176.787	103.000	48.000	-	55.000
L.2.1	Dự án mới hoàn thành năm 2019	20	-	43.382		82.111	8.790	38.631	47.859	43.934	65.830	8.900	8.000	-	-
1	Xây mới đường giao thông, rãnh thoát nước tổ dân phố Đại Cát 1, 2, 3, phường Liên Mạc	1	2018-2019	Số 8343/QĐ-UBND,	ngày 31/10/2017	2.005		1.684	1.684	1.900	2.000	-			
2	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Yên Nội 1, 2, 3 và TDP Đại Cát 1, 2, 3, phường Liên Mạc	1	2019-2020	Số 6001/QĐ-UBND,	ngày 30/10/2018	11.862		7.082	8.206	10.334	10.434	-			

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTBT/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy từ vốn đã bố trí từ thời công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020						
				Số	Ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện KH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019		Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)	Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn kết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
3	Chính trang đường và xây dựng hệ thống thoát nước ngõ 351 từ dốc Bạc từ dân phố Bình đến dốc Chùa Chém ở dân phố Đại Đồng (Giai đoạn 2)	1	2019-2020	Số 5927/QĐ-UBND,	25/10/2018	1.670		1.185	1.185	1.600	1.700	-				
4	Chính trang đường, sinh thoát nước ngõ 125 đường Tân Xuân và ngõ 256 đường Xuân Đình, ngõ 205 đường Xuân Đình (Từ Trạm Y Tế đến đường Ngoại giao); Ngõ 205/177 và sinh thoát nước của Miếu Vũ ở ngõ 207/103 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình	1	2018-2019	Số 6117A/QĐ-UBND	31/10/2018	2.303			600	1.500	1.600	-				
5	Chính trang đường, sinh thoát nước Ngõ 62 đường Xuân Đình, TDP số 3 (từ nhà ông Nguyễn Kế Hiền đến nhà ông Nguyễn Duy Tồn), phường Xuân Tảo	1	2019-2020	Số 6116/QĐ-UBND	31/10/2018	432		150	150	400	500	-				
6	Cải tạo, chính trang đường sinh thoát nước ngõ 117, ngõ 195, ngõ 198, ngõ 273, ngõ 297, ngõ 319, ngõ 354, ngõ 546 - Tân Cưng, phường Cổ Nhuế 1	1	2019-2020	Số 6176/QĐ-UBND	31/10/2018	4.987		3.660	3.660	4.500	4.600	-				
7	Chính trang đường, sinh thoát đường Tăng Thiết Giáp (Từ Đường PVD đến Ngõ 43), phường Cổ Nhuế 2	1	2019-2020	Số 6177/QĐ-UBND	31/10/2018	2.958		1.905	1.905	2.500	2.600	-				
8	Cải tạo đường, sinh thoát nước tổ dân phố 11, 12 phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm	1	2019-2020	Số 5767/QĐ-UBND	18/10/2018	1.173		985	985	1.100	1.200	-				
9	Chính trang đường, sinh thoát nước tổ dân phố 3,4,5,6,13, phường Phú Diễn	1	2019-2020	Số 6031/QĐ-UBND	30/10/2018	3.065		2.531	2.531	2.700	2.800	-				
10	Chính trang đường, sinh thoát nước tổ dân phố 14;15;16;17 ngõ, ngách, phường Phú Diễn	1	2019-2020	Số 6000/QĐ-UBND	30/10/2018	5.180		4.610	4.610	5.000	5.100	-				
11	Cải tạo đường, sinh thoát nước tổ dân phố 17, 18 phường Phú Diễn	1	2019-2020	Số 6029/QĐ-UBND	31/10/2018	4.382		3.755	3.755	4.000	4.100	-				
12	Chính trang đường, sinh thoát nước tổ dân phố Bình Quán, phường Phúc Diễn	1	2019-2020	Số 6030/QĐ-UBND	30/10/2018	645		570	570	600	700	-				
13	Cải tạo đường, sinh thoát nước tổ dân phố Thượng Cát 1 và Đông Ba 2, phường Thượng Cát	1	2019-2020	Số 5999/QĐ-UBND	30/10/2017	1.163		857	857	1.100	1.200	-				
14	Cải tạo đường, sinh thoát nước tổ dân phố Thượng Cát 1, 2, 3, 4 và tổ dân phố Đông Ba 1, 2, 3 phường Thượng Cát	1	2019-2020	Số 6110/QĐ-UBND	31/10/2018	10.790		2.025	5.382	10.000	10.100	-				
15	Cải tạo đường, sinh thoát nước tổ dân phố Thượng Cát 2, 3 và tổ dân phố Đông Ba 1, phường Thượng Cát	1	2019-2020	Số 6079/QĐ-UBND	31/10/2018	1.303		502	502	1.200	1.300	-				
16	Cải tạo đường, sinh thoát nước và lắp hộp điện vui chơi ngoài trời TDP Đông Ba 2,3 phường Thượng Cát	1	2018-2019	Số 6172/QĐ-UBND	ngày 30/10/2017	1.400		1.071	1.071	1.300	1.400	-				
17	Chính trang đường, sinh thoát nước TDP Yên Trì (đường ống Hùng - Công Uẩn; công cái - cầu ãnh; công đầu tầng - trạm điện - nường (tràng) và TDP Ngã Long (nhà văn hóa Ngã Long 2 - trạm bơm Ngã Long), phường Minh Khai	1	2019-2020	Số 5608/QĐ-UBND	10/10/2018	5.590		4.692	4.692	5.000	5.100	-				
18	Cải tạo đường, sinh thoát nước ngách 521/21 đường An Dương Vương TDP Nhì Tảo 2, ngách 35/58 TDP Đông Ngạc 2, ngách 21/58 TDP Đông Ngạc 2, ngách 21/18 TDP Đông Ngạc 6, ngách 104/31 tập thể ở tổng TDP Đông Ngạc 8, ngõ tập thể kinh doanh nhà TDP Đông Ngạc 7 phường Đông Ngạc (giai đoạn 2)	1	2018-2019	Số 5981/QĐ-UBND	30/10/2018	1.788		1.342	1.342	1.700	1.800	-				

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTBT/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019					Lấy kế vốn để bố trí từ thời công đức hết kế hoạch năm 2019	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMBT		Khởi động thực hiện KH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)			Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB							Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn tiết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14						
19	Chỉnh trang đường, sinh thoát nước các tuyến đường ngõ chưa được duy tu bảo dưỡng trên địa bàn phường Đức Thắng.	1	2018-2019	Số 6181/QĐ-UBND	31/10/2018	5.144			2.155	4.500	4.500						
20	Xây dựng đường vào trường mầm non Phú Diễn A, phường Phú Diễn	1	2019-2020	Số 6101/QĐ-UBND	31/10/2018	14.261	8.790		1.988	3.000	3.100	8.000		8.000			
L.2.2	Dự án mới hoàn thành sau năm 2019					1.865.076	184.233	23.519	69.855	109.855	110.953	95.000		40.000		55.000	
1	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Tăng Bí đến phố Viên, quận Bắc Từ Liêm	1	2019-2020	5978/QĐ-UBND	31/10/2018	179.345	88.011			35	450	40.000		40.000			
2	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Hoàng Liên 1, 2, 3 và Hoàng xá, phường Liên Mạc (giai đoạn 2)	1	2019-2020	6178/QĐ-UBND	31/10/2018	9.930				4.000	4.000	5.000				5.000	
3	Cải tạo, chỉnh trang, sửa chữa tuyến đường Phú Diễn, Trại Gà, Phường Phú Diễn	1	2019-2020	6098/QĐ-UBND	31/10/2018	39.978	11.521	360	360	12.000	12.000	10.000				10.000	
4	Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long (đoạn Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng) thuộc quận Bắc Từ Liêm	1	2017-2020	5995/QĐ-UBND	31/10/2018	1.494.473		18.655	31.267	50.000	51.000						
5	Xây dựng đường vào khu trung tâm hành chính quận Bắc Từ Liêm	1	2019-2020	Số 6102/QĐ-UBND	31/10/2018	141.350	84.700	4.495	38.216	43.500	43.500	40.000				40.000	
II	Công trình HTKT Cấp, thoát nước	3				40.720	3.764	905	9.234	19.127	19.227	18.000				18.000	
II.1	Dự án chuyển tiếp																
II.1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019																
II.2	Dự án mới	1				40.720	3.764	905	9.234	19.127	19.227	18.000				18.000	
L.2.1	Dự án mới hoàn thành năm 2019																
L.2.1	Dự án mới hoàn thành sau năm 2019	1				40.720	3.764	905	9.234	19.127	19.227	18.000				18.000	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương thoát nước: đồ thi kết hợp âm đường giao thông theo quy hoạch, phường Đức Thắng	1	2019-2020	6103/QĐ-UBND	31/10/2018	40.720	3.764	905	9.234	19.127	19.227	18.000				18.000	
III	Công trình HTKT Ngăn trảng	3				123.125	68.212			3.258	3.258	1.000		1.000		-	
III.1	Dự án chuyển tiếp	3				123.125	68.212			3.258	3.258	1.000		1.000		-	
	Dự án chuyển tiếp đã hoàn thành trước năm 2019, ghi đã vốn theo giá trị quyết toán được duyệt	2				20.844				1.216	1.216					-	
1	Chỉnh trang nghĩa trang nhân dân phường Thượng Cát	1		485/QĐ-UBND	25/10/2012	10.992				490	490						
2	Chỉnh trang nghĩa trang nhân dân phường Phú Diễn	1		Số 4981/QĐ-UBND,	ngày 30/10/2015	9.852				720	720						
III.1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	3				102.285	68.212			2.844	2.844	1.000		1.000		-	
1	Chỉnh trang nghĩa trang Văn Long, phường Minh Khai	1	2018-2019	Số 8118/QĐ-UBND	30/10/2017	2.094				1.206	1.206						
2	Chỉnh trang nghĩa trang nhân dân tổ dân phố Đức Diễn, phường Phúc Diễn	1		Số 5364/QĐ-UBND,	31/10/2016	5.183				342	342						
3	Mở rộng nghĩa trang Tây Tựu	1		414/QĐ-UBND	22/2/2008	95.008	68.212			500	500	1.000		1.000			
III.2	Dự án mới																
III.2.1	Dự án mới hoàn thành năm 2019																
IV	Công trình HTKT khác	12				314.400	173.727	27.245	49.732	77.422	202.420	46.000		28.000	6.000	20.000	
IV.1	Dự án chuyển tiếp	5				30.791		3.615	3.670	9.225	14.220					-	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy kế vốn đi bố trí từ khối công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020						
				Số	Ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện KH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019		Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)	Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn hết dự
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
IV.1.1	Dự án chuyển tiếp đi hoàn thành trước năm 2019, ghi đã vốn theo giá trị quyết toán được duyệt	1	-			5.006	-	-	-	380	380					
1	Xây dựng HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an phường Liên Mạc	1		5387/QĐ-UBND	31/10/2016	5.006				380	380	-				
IV.1.2	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	4	-			25.792	-	3.615	3.670	8.842	13.840					
1	Xây dựng bãi lưu giữ phương tiện giao thông vi phạm luật chính, phương tiện vi phạm trật tự cho công an quận Bắc Từ Liêm	1	2018-2019	8261/QĐ-UBND	31/10/2017	12.285		3.615	3.670	5.001	10.001	-				
2	Xây dựng HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an phường Tây Tựu	1	2017-2018	5391/QĐ-UBND	31/10/2016	4.234				3.250	3.250	-				
3	Xây dựng HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an phường Minh Khai	1	2017-2018	5388/QĐ-UBND	31/10/2016	3.903				560	560	-				
4	Xây dựng HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an phường Phú Diễn	1	2017-2018	5389/QĐ-UBND	31/10/2016	5.370				32	32	-				
IV.2	Dự án mới	7	-			283.610	173.727	23.620	46.062	68.200	188.200	46.000		20.000	6.000	20.000
IV.2.1	Dự án mới hoàn thành năm 2019	6	-			29.542	7.560	6.518	11.081	16.200	16.200	6.000			6.000	-
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án Xây dựng trụ sở công an phường Cổ Nhuế 1	1	2019-2020	6088/QĐ-UBND	31/10/2018	1.870		1.291	1.291	1.700	1.700	-				
2	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án Xây dựng trụ sở công an phường Đồng Ngạc	1	2019-2020	6090/QĐ-UBND	31/10/2018	6.107	2.426	1.628	3.756	4.600	4.600	1.000			1.000	
3	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án Xây dựng trụ sở công an phường Đức Thắng	1	2019-2020	6089/QĐ-UBND	31/10/2018	5.061	2.339	1.410	2.417	3.400	3.400	1.000			1.000	
4	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án Xây dựng trụ sở công an phường Thượng Cát	1	2019-2020	6087/QĐ-UBND	31/10/2018	5.482	1.834	1.870	3.290	4.500	4.500	400			400	
5	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án Xây dựng trụ sở công an phường Thụy Phương	1	2019-2020	6091/QĐ-UBND	31/10/2018	5.227	961	240	240	1.700	1.700	1.600			1.600	
6	Di chuyển 02 hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nhật và ông Lê Văn Văn đang sử dụng đất nằm ở vị trí trung tâm lõi chùa trong khuôn viên khu vực I bảo vệ di tích chùa Từ Khánh, phường Đồng Ngạc	1	2019-2020	6107/QĐ-UBND	31/10/2018	5.795		71	71	300	300	2.000			2.000	
IV.2.1	Dự án mới hoàn thành sau năm 2019	1	-			254.068	166.167	17.112	34.981	52.000	172.000	40.000		20.000	-	20.000
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu liên cơ quan quận Bắc Từ Liêm	1	2019-2020	7610/QĐ-UBND	31/10/2017	254.068	166.167	17.112	34.981	52.000	172.000	40.000		20.000	-	20.000
V	Công trình HTXN Giáo dục	31				1.819.856	180.467	169.361	228.505	444.146	857.500	200.000	10.000	76.834	-	113.170
V.1	Dự án chuyển tiếp	25				1.372.174	147.909	159.622	174.532	284.732	698.000	123.000		52.000	-	71.000
V.1.1	Dự án chuyển tiếp đi hoàn thành trước năm 2019, ghi đã vốn theo giá trị quyết toán được duyệt	2				35.201	-	-	-	300	300					

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTBT/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy kế vốn để bù trừ là khoản công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020						
				Số	Ngày, tháng, năm	TMĐT		Khởi công thực hiện KB2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019		Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân KB kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)	Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn kết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
1	Xây dựng bổ sung phòng học trường mầm non Đồng Ngạc A	1	2020-2021	4457/QĐ-UBND	23/10/2015	14.900				29	29	-				
2	Xây dựng trường THCS Thượng Cát (giai đoạn I)	1	2020-2021	938/QĐ-UBND	30/1/2011	20.703				17	17	-				
V.1.2	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	15			43.000	656.997	36.061	66.250	75.024	120.810	299.759	21.500		21.000		500
1	Xây dựng trường THCS Cổ Nhuế 1	1	2016-2019	Số 4978/QĐ-UBND	31/10/2015	110.860	24.000	4.377	5.559	8.000	63.032	-				
2	Xây dựng trường tiểu học Đức Thắng	1	2017-2019	Số 5367/QĐ-UBND,	ngày 29/10/2016	123.918		28.019	29.257	38.134	109.383	-				
3	Cải tạo, sửa chữa phòng học, phòng chức năng trường tiểu học Phúc Diễn	1	2018-2019	Số 4978/QĐ-UBND	9/27/2017	14.425		872	872	2.500	13.900	-				
4	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Tây Tựu A	1	2018-2019	8104/QĐ-UBND	30/10/2017	30.745		5.346	5.563	13.354	22.354	-				
5	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Tây Tựu B	1	2018-2019	8105/QĐ-UBND	30/10/2017	26.615	187	4.432	5.220	12.060	25.060	-				
6	Xây dựng trường mầm non Cổ Nhuế 1B	1	2017-2019	Số 5365/QĐ-UBND,	ngày 29/10/2016	37.453				1.207	12.930	-				
7	Mở rộng, cải tạo trường mầm non Lân Mạc	1	2017-2019	Số 5364/QĐ-UBND,	ngày 29/10/2016	27.672		1.928	3.125	7.132	14.665	-				
8	Mở rộng trường THCS Xuân Đình	1		5962/QĐ-UBND	22/2/2018	68.122	2.425	2.540	3.000	8.000	8.000	500				500
9	Mở rộng, xây dựng bổ sung phòng học và cải tạo trường tiểu học Thượng Cát, phường Thượng Cát	1		7132/QĐ-UBND	30/10/2013	22.902		2.290	2.290	3.000	3.000	-				
10	Mở rộng và cải tạo trường THCS Thụy Phương	1	2014-2018	7136/QĐ-UBND	30/10/2013	33.279		231	231	231	231	-				
11	Xây dựng bổ sung phòng học và phòng chức năng trường THCS Đồng Ngạc	1		4970/QĐ-UBND,	ngày 31/10/2015	37.904		3.190	3.190	6.870	6.870	-				
12	Xây dựng bổ sung phòng học trường mầm non Cổ Nhuế 2	1	2017+2018	Số 5363/QĐ-UBND,	29/10/2016	30.591		8.072	8.072	8.571	8.571	-				
13	Mua sắm thiết bị trường học điện tử trường tiểu học Tây Tựu B	1	2018-2019	7962/QĐ-UBND	24/10/2017	5.835				40	40	-				
14	Xây dựng mới trường mầm non Tây Tựu B (tổ dân phố Thượng, tổ dân phố Trung)	1		7131/QĐ-UBND	30/10/2013	49.060	9.449	-	3.684	3.700	3.700	21.000		21.000		
15	Xây dựng trường mầm non Xuân Tảo	1	2016-2019	Số 5366/QĐ-UBND,	ngày 29/10/2016	37.204		4.942	4.942	8.000	8.000	-				
V.1.2	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019	8				680.380	111.240	93.364	99.500	163.615	397.940	101.500		31.000		70.500
1	Xây dựng trường mầm non Phú Minh	1	2016-2020	Số 4975/QĐ-UBND	31/10/2015	78.762	14.400	12.741	12.741	26.964	53.219	8.000				8.000
2	Xây dựng mới trường tiểu học Phú Diễn	1	2017-2020	Số 5360/QĐ-UBND,	ngày 29/10/2016	132.670	20.390	33.412	34.690	39.000	99.200	3.000				3.000
3	Mở rộng và cải tạo trường tiểu học Lân Mạc	1	2018-2020	8121/QĐ-UBND	30/10/2017	48.480	10.742	6.121	7.082	10.000	24.000	16.000				16.000
4	Xây dựng trường mầm non Phú Diễn A	1	2017-2020	5358/QĐ-UBND,	29/10/2016	76.957	12.756	18.060	18.315	24.500	50.485	3.500				3.500
5	Xây dựng trường THCS Phú Diễn A	1	2018-2020	8106/QĐ-UBND	30/10/2017	176.390	26.301	14.143	14.143	40.000	84.000	50.000		30.000		20.000

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTBT/Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy kế vốn để bố trí và phát công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMBT		Khối lượng thực hiện KCH 2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)		Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn kết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
6	Xây dựng trường tiểu học Cổ Nhuế 1	1	2017-2020	Số 5359/QĐ-UBND,	29/10/2016	60.006	8.486	5.066	5.066	10.912	26,07	15.000				15.000
7	Xây dựng trường mầm non Đồng Ngạc C	1	2018-2020	8107/QĐ-UBND	30/10/2017	52.951	8.241	96	2.876	3.100	16.609	5.000				5.000
8	Mở rộng, cải tạo trường THCS Phúc Diễn	1	2017-2020	Số 5357/QĐ-UBND,	29/10/2016	54.158	9.932	3.722	4.587	9.135	44.375	1.000		1.000		
	Dự án mới	4	-	-	-	447.682	33.158	9.739	53.972	159.407	159.500	77.000	10.000	24.830	-	42.170
V.2.1	Dự án mới hoàn thành năm 2019	2	-	-	-	26.932	-	6.542	14.212	18.252	18.325	-	-	-	-	-
1	Xây dựng và bổ sung phòng học trường mầm non Phúc Diễn	1	2018-2019	6099/QĐ-UBND	31/10/2018	18.196		576	8.241	9.952	10.051	-				
2	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Xuân Đình A	1	2019-2020	6093/QĐ-UBND	31/10/2018	8.736		5.971	5.971	8.300	8.300	-				
V.2.2	Dự án mới hoàn thành sau năm 2019	4	-	-	-	420.750	33.158	3.192	39.760	141.152	141.150	77.000	10.000	24.830	-	42.170
1	Xây dựng trường THCS Thượng Cát (giai đoạn II)	1	2019-2021	6017/QĐ-UBND	30/10/2018	110.847	6.530	2.245	20.000	49.400	49.400	20.000		14.830		5.170
2	Mở rộng và cải tạo trường tiểu học Thụy Phương	1	2020-2021	7137/QĐ-UBND	30/10/2013	34.916				1.500	1.500	-				
3	Xây dựng trường tiểu học chất lượng cao Bắc Từ Liêm	1	2020-2021	5361/QĐ-UBND	29/10/2016	156.346	26.628			47.752	47.752	10.000	10.000			
4	Xây dựng trường tiểu học Đồng Ngạc	1	2019-2020	6095/QĐ-UBND	31/10/2018	118.603		942	19.769	42.500	42.500	47.000		10.000		37.000
VI	Lĩnh vực Văn hóa - TDTT	31	-	-	-	286.228	28.892	21.791	26.214	47.134	57.070	8.500	-	8.500	-	-
VI.1	Dự án chuyển tiếp	26	-	-	-	263.718	28.192	14.654	17.668	32.524	42.470	8.500	-	8.500	-	-
-	Dự án chuyển tiếp đã hoàn thành trước năm 2019, ghi đủ vốn theo giá trị quyết toán được duyệt	7	-	-	-	23.482	-	1.222	1.222	1.822	1.820	-	-	-	-	-
1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 1,2,3 phường Phúc Diễn	1	2016-2017	Số 4878/QĐ-UBND	30/10/2015	1.684	479		475	480	480	-				
2	Cải tạo, sửa chữa trung tâm văn hóa - thể thao và thể thao Bắc Từ Liêm	1	2017-2018	5191/QĐ-UBND	27/10/2016	6.798		46	46	46	46	-				
3	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 2	1	2016-2017	4889/QĐ-UBND	30/10/2015	2.435		552	552	552	552	-				
4	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Tân Xuân 1	1	2017-2018	5191/QĐ-UBND	27/10/2016	1.497						-				
5	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 13 phường Phú Diễn	1		Số 5213/QĐ-UBND,	ngày 28/10/2016	2.952		141	141	217	217	-				
6	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 13 phường Phúc Diễn	1		Số 5325/QĐ-UBND,	ngày 28/10/2016	3.554				400	400	-				
7	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Tân Nhục, phường Thụy Phương	1		4966/QĐ-UBND-	31/10/2015	565				120	120	-				
VI.1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	19	-	-	-	240.232	28.192	13.438	16.445	30.715	40.640	8.500	-	8.500	-	-
1	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Cổ Nhuế 1	1	2017-2019	Số 5362/QĐ-UBND,	ngày 29/10/2016	19.985	4.790		584	69	6.223	8.000		8.000		
2	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hạ 9, phường Tây Tựu	1	2018-2019	5977/QĐ-UBND	ngày 28/8/2017	4.768		2.070	2.070	2.700	4.400	-				
3	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố số 15, phường Tây Tựu	1	2018-2019	8265/QĐ-UBND	31/10/2017	7.500		91	91	879	3.579	-				

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT/Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy kế vốn để bố trí từ khối công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMĐT		Khởi công thực hiện KHH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)		Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
4	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố Nhật Tảo 3, phường Đồng Ngạc	1		4806/QĐ-UBND	29/10/2015	2.506		4	4	60	60	-				
5	Xây dựng nhà văn hóa TDP Đồng Ngạc 8 và Liên Ngạc, phường Đồng Ngạc	1	2017-2018	5211/QĐ-UBND	28/10/2016	12.190		3	3	65	65	-				
6	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố Trung 8 phường Tây Tư	1	2018-2019	8267/QĐ-UBND	31/10/2017	4.650		1.106	1.106	1.924	1.924	-				
7	Chỉnh trang nhà văn hóa ở dân phố Văn Tế 3 và nhà văn hóa ở dân phố Nguyễn Xá 2, phường Minh Khai	1	2018-2019	8273/QĐ-UBND	31/10/2017	3.426	229		229	263	263	-				
8	Cải tạo nhà văn hóa TDP số 2, phường Phú Diễn	1	2018-2019	8180/QĐ-UBND	31/10/2017	2.792		134	134	134	134	-				
9	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố số 12, phường Phú Diễn	1	2018-2019	8114/QĐ-UBND	30/10/2017	2.802		352	352	352	352	-				
10	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố số 2 và số 4, phường Cổ Nhuế 2	1	2017-2018	S65209/QĐ-UBND	27/10/2016	4.809		790	1.730	3.918	3.918	-				
11	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố số 3, phường Cổ Nhuế 2	1	2016-2018	S4772/QĐ-UBND	28/10/2015	2.903			920	2.500	2.500	-				
12	Xây dựng, mở rộng trung tâm văn hóa - thể thao phường Minh Khai (giai đoạn 3)	1	2017-2019	5195/QĐ-UBND	ngày 27/10/2016	12.367		23	23	950	950	-				
13	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Đức Thắng	1		S64967/QĐ-UBND	ngày 31/10/2015	13.954				22	22	-				
14	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Thượng Cát	1		1424/QĐ-UBND	4/7/2013	53.618		600	600	2.492	2.492	-				
15	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố Hoàng 15 (TDP Hoàng cũ), phường Cổ Nhuế 1	1	2017-2018	5190/QĐ-UBND	27/10/2016	3.653		366	366	38	38	-				
16	Xây dựng cụm văn hóa thể thao Thụy Phương	1	2016-2018	3371/QĐ-UBND	ngày 24/6/2013	49.654	23.403	2.131	2.131	3.090	3.090	500		500		
17	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi ở dân phố Viên 1, phường Cổ Nhuế 2	1		8115/QĐ-UBND	ngày 30/10/2017	5.739						-				
18	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố Trú 3 và 4, phường Cổ Nhuế 2	1		5187/QĐ-UBND	27/10/2016	6.533			21	1.000	1.000	-				
19	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Phúc Diễn	1	2016-2019	4972/QĐ-UBND	20/11/2015	26.385		5.229	5.782	8.500	8.500	-				
VI.1.2	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019															
	Dự án mới	5	-			22.576	700	7.137	8.546	14.600	14.600	-				
VI.2.1	Dự án mới hoàn thành năm 2019	5	-			22.576	700	7.137	8.546	14.600	14.600	-				
1	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố Hộ 12 phường Tây Tư	1	2018-2019	S65941/QĐ-UBND	26/10/2018	4.700	700			2.700	2.700	-				
2	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố Nga Long 2, phường Minh Khai	1	2019-2020	S65688/QĐ-UBND	Ngày 12/10/2018	4.900		3.865	3.865	4.700	4.700	-				
3	Xây dựng nhà văn hóa ở dân phố Đông 5 + 4, phường Cổ Nhuế 2	1	2017-2018	S66172/QĐ-UBND	31/10/2018	5.036			483	2.000	2.000	-				
4	Xây dựng nhà văn hóa TDP Trung 5, phường Xuân Đình	1	2019-2020	5214/QĐ-UBND	ngày 28/10/2016	3.500			800	1.000	1.000	-				
5	Cải tạo, sửa chữa trung tâm văn hóa - thể thao tại thể thao quận Bắc Từ Liêm	1	2019-2020	S66168/QĐ-UBND	31/10/2018	4.434		3.265	3.394	4.200	4.200	-				
VI.2.1	Dự án mới sau hoàn thành năm 2019											-				

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019				Lấy kế vốn đã bố trí từ kết công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020					
				Số	Ngày, tháng, năm	TMBT		Khởi công thực hiện KH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019		Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)	Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn tiết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
VI	Công trình HTXH Văn hóa di tích lịch sử	25	-	#VALUE!	#VALUE!	215.247	-	22.334	40.065	66.324	91.025	11.306	-	-	11.306	-
VI.1	Dự án chuyển tiếp	15	-	-	-	141.624	-	6.841	6.841	16.524	40.825	-	-	-	-	-
	Dự án chuyển tiếp đi hoàn thành trước năm 2019, ghi đủ vốn theo giá trị quyết toán được duyệt	7	-	-	-	63.415	-	2.471	2.471	2.571	2.571	-	-	-	-	-
1	Tu bổ, tôn tạo Tà mac ãnh Hoàng Xá, phường Lèn Mọc	1		Số 3574/QĐ-UBND	31/10/2016	3.625		8	8	8	8	-	-	-	-	-
2	Tu bổ, tôn tạo Đại bãi, hậu cung đình Chèm, phường Thụy Phương	1		Số 5194/QĐ-UBND	27/10/2016	3.568				30	30	-	-	-	-	-
3	Tu bổ, tôn tạo Tà mac, hữu mạc ãnh môn ãnh Đại Cát, phường Lèn Mọc	1	2017-2018	Số 5373/QĐ-UBND	31/10/2016	7.574		538	538	575	575	-	-	-	-	-
4	Tu bổ, tôn tạo Tà mac, hữu mạc ãnh công trình phụ trợ ãnh Hoàng Liễn, phường Lèn Mọc	1	2017-2018	Số 5375/QĐ-UBND	31/10/2016	5.500		543	543	544	544	-	-	-	-	-
5	Tu bổ, tôn tạo chùa Đại Mọc (giai đoạn 2), phường Phú Diễn	1	2018-2019	Số 8108/QĐ-UBND	30/10/2017	14.931		742	742	742	742	-	-	-	-	-
6	Tu bổ, tôn tạo chùa Bồ Đề, phường Minh Khai	1	2018-2019	Số 4122/QĐ-UBND	30/5/2017	1.832		155	155	187	187	-	-	-	-	-
7	Trùng tu, tôn tạo đình, chùa Đại Cát, phường Liễn Mọc (hạng mục nh ã tổ, lát sân ch ãn Đại Cát)	1		4972/QĐ-UBND	20/11/2015	26.385		412	412	412	412	-	-	-	-	-
VI.1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	8	-	-	-	78.209	-	4.376	4.376	13.955	38.235	-	-	-	-	-
1	Tu bổ, tôn tạo Tam bảo chùa Kỳ Vồ, phường Thượng Cát	1	2018-2019	8272/QĐ-UBND	31/10/2017	11.286		2.600	2.600	4.577	10.577	-	-	-	-	-
2	Tu bổ, tôn tạo ãn Tam Bảo chùa Hưng Khánh, phường Tây Tựu	1	2018-2019	8268/QĐ-UBND	31/10/2017	5.900				1.536	5.836	-	-	-	-	-
3	Tu bổ, tôn tạo nhà Tổ chùa Liễn Ngọc, phường Đông Ngọc	1	2017-2018	Số 1260/QĐ-UBND,	ngày 6/4/2016	5.900				370	370	-	-	-	-	-
4	Tu bổ, tôn tạo Gác chuông, nhà Vương chùa Tu Khánh, phường Đông Ngọc	1	2017-2018	5221/QĐ-UBND	28/10/2016	11.494				409	409	-	-	-	-	-
5	Tu bổ tôn tạo đại đình, phương đình đình Trung Tựu, phường Tây Tựu	1	2017-2018	5371/QĐ-UBND	31/10/2016	13.35				365	365	-	-	-	-	-
6	Tu bổ, tôn tạo chùa Lưu Bái tổ ãn phố Kiều Mai (giai đoạn II)	1		Số 5002/QĐ-UBND,	31/10/2015	12.273		30	30	76	76	-	-	-	-	-
7	Tu bổ, tôn tạo nhà Tà mac, Hữu mạc ãnh Liễn Ngọc, phường Đông Ngọc	1	2018-2019	8271/QĐ-UBND	31/10/2017	7.877				4.197	10.197	-	-	-	-	-
8	Tu bổ, tôn tạo nhà thờ Tổ, tam quan chùa Nhật Tảo, phường Đông Ngọc	1	2018-2019	8270/QĐ-UBND	31/10/2017	10.128		1.740	1.740	1.740	9.740	-	-	-	-	-
VI.2	Dự án mới	10	-	#VALUE!	#VALUE!	73.622	-	15.493	33.224	49.800	56.250	11.306	-	-	11.306	-
VI.2.1	Dự án mới hoàn thành năm 2019	5	-	-	-	71.909	-	15.493	33.224	48.300	48.700	11.306	-	-	11.306	-

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019					Lấy kế vốn để bố trí từ khối công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMBT		Khối lượng thực hiện KB2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân KB kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)		Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn kết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
1	Tu bổ, tôn tạo Tam bảo chùa Đình Quán, phường Phúc Diễn	1	2019-2020	6108/QĐ-UBND	31/10/2018	12.605		110	5.000	10.000	10.100	-				
2	Tu bổ, tôn tạo Tà mạp, Hữu mac Mả Đức Diễn, phường Phúc Diễn	1	2019-2020	6109/QĐ-UBND	31/10/2018	4.325		3.000	3.000	4.000	4.100	-				
3	Tu bổ, tôn tạo nhà thờ họ Nguyễn Hữu Lân, phường Tây Tư	1	2019-2020	Số 6111/QĐ-UBND	31/10/2018	8.729		400	2.572	4.000	4.100	4.000			4.000	
4	Tu bổ, tôn tạo tạo nhà Ni và công trình phụ trợ chùa Hoàng Liên, phường Liên Mạc	1	2019-2020	Số 6112/QĐ-UBND	31/10/2018	8.000		350	3.555	7.000	7.000	500			500	
5	Tu bổ, tôn tạo nhà Mẫu chùa Văn Tử, phường Minh Khai	1	2019-2020	Số 5723/QĐ-UBND	16/10/2018	8.981		4.000	4.000	7.000	7.000	1.000			1.000	
6	Tu bổ, tôn tạo Trung tâm Phật giáo Tịnh Tâm, phường Đồng Ngạc	1	2019-2020	Số 6113/QĐ-UBND	31/10/2018	11.585		182	4.301	5.000	5.100	5.800			5.800	
7	Cải tạo, chỉnh trang di tích niệm Phật sự phường Minh Khai	1	2018-2019	Số 5859/QĐ-UBND	24/10/2018	5.699		4.000	4.000	4.000	4.000	-				
8	Cải tạo, chỉnh trang khu di tích lưu niệm Bác Hồ, phường Phúc Diễn	1	2019-2020	Số 6113/QĐ-UBND	31/10/2018	4.020		3.451	3.451	3.800	3.800	-				
9	Tu bổ, tôn tạo tam bảo chùa Trùng Hưng, phường Cổ Nhuế 1	1	2019-2020	Số 2190/QĐ-UBND	22/5/2018	7.963			3.340	3.500	3.500	-				
VI.2.2	Dự án mới hoàn thành sau năm 2019			5209/QĐ-UBND	24/9/2019	1.714				1.500	1.500	-				
I	Phòng chống mối chùa Yên Nội, đền Yên Nội, đình Yên Nội, phường Liên Mạc	1		5209/QĐ-UBND	24/9/2019	1.714				1.500	1.500	-				
VII	Công trình HTXH Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	3				37.744		1.023	1.023	2.901	2.901	-				
VII.1	Dự án chuyển tiếp	3				37.744		1.023	1.023	2.901	2.901	-				
	Dự án chuyển tiếp đã hoàn thành trước năm 2019, ghi nợ vốn theo giá trị quyết toán được duyệt	3				37.744		1.023	1.023	2.901	2.901	-				
1	Xây dựng chợ Phúc Lý, Minh Khai	1		11165/QĐ-UBND	13/8/2010	14.993				630	630	-				
2	Cải tạo nâng cấp chợ Xuân Đình II, Phường Xuân Đình	1		5378/QĐ-UBND	31/10/2016	15.000				1.000	1.000	-				
3	Cải tạo, nâng cấp chợ dân sinh ở dân phố Đồng Ba, phường Tương Cát	1		4888/QĐ-UBND	30/10/2015	7.751		1.023	1.023	1.263	1.263	-				
VI.1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019											-				
VII.2	Dự án mới											-				
VI.2.1	Dự án mới hoàn thành năm 2019											-				
VI.2.2	Dự án mới hoàn thành sau năm 2019											-				
VIII	Công trình HTXH Y tế	2				61.823		6.963	7.028	15.257	15.257	-				
VIII.1	Dự án chuyển tiếp	2				55.187		2.799	2.299	9.457	9.457	-				
	Dự án chuyển tiếp đã hoàn thành trước năm 2019, ghi nợ vốn theo giá trị quyết toán được duyệt	2				18.830		1.179	1.179	1.342	1.342	-				

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT/Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch vốn năm 2019			Lấy kế vốn để bố trí từ khối công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMBT		Khối lượng thực hiện KH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)		Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn tiết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế phường Phúc Diễn	1		4570/QĐ-UBND	23/10/2015	6.512		1.179	1.179	1.180	1.180					
2	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế phường Liên Mạc	1		234/QĐ-UBND	25/10/2012	10.601				120	120					
3	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế phường Đồng Ngạc	1		5132/QĐ-UBND	26/10/2016	1.717				42	42					
VIII.1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	4				36.357		1.128	1.128	8.115	8.115					
	Xây dựng trạm y tế phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm	1	2016-2018	3367/QĐ-UBND	ngày 30/10/2014	12.173		80	80	2.719	2.719					
	Xây dựng trạm y tế phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm	1	2016-2018	3348/QĐ-UBND	ngày 30/10/2014	13.049				1.939	1.939					
	Xây dựng trạm y tế phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm	1	2016-2018	3369/QĐ-UBND	ngày 30/10/2014	11.135		8	8	1.882	1.882					
	Xây dựng trạm y tế phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm	1	2017-2018	5363/QĐ-UBND	29/10/2016			959	959	1.575	1.575					
VIII.2	Dự án mới	2				6.634		4.662	4.725	5.800	5.800					
	Dự án mới hoàn thành năm 2019	2				6.634		4.662	4.725	5.800	5.800					
1	Cải tạo, chỉnh trang trạm y tế phường Cổ Nhuế 2	1	2019-2020	Số 6027/QĐ-UBND	30/10/2018	2.936		1.702	1.702	2.300	2.300					
2	Cải tạo, chỉnh trang trạm y tế phường Thượng Cát	1	2019-2020	Số 5978/QĐ-UBND	29/10/2018	3.700		2.960	3.022	3.500	3.500					
	Dự án mới hoàn thành năm 2019	0		#VALUE!	#VALUE!	159.297	17.878	12.362	12.873	28.007	43.807	15.500				
IX	Công trình HTXH ở quan hành chính	0		#VALUE!	#VALUE!	159.297	17.878	12.362	12.873	28.007	43.807	15.500				
IX.1	Dự án chuyển tiếp	0		#VALUE!	#VALUE!	159.297	17.878	12.362	12.873	28.007	43.807	15.500				
	Dự án chuyển tiếp đã hoàn thành trước năm 2019, ghi đã vốn theo giá trị quyết toán được duyệt	1		Số 5205/QĐ-UBND	27/10/2016	4.330		761	761	761	761					
1	Xây dựng bổ sung phòng làm việc, phòng hành chính nội cần, phòng tiếp công dân trụ sở UBND phường Đồng Ngạc	1		Số 5205/QĐ-UBND	27/10/2016	4.330		761	761	761	761					
IX.1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	4				115.787	9.978	7.492	7.644	17.244	32.240	5.500				
1	Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trụ sở ứng trực các lực lượng dân phòng, tư sở công an 13 phường, chợ, đình, đền, chùa, miếu mạo trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm	1	2018-2019	Số 8291/QĐ-UBND	31/10/2017	18.743		6.000	6.000	7.560	18.560					
2	Xây dựng bổ sung phòng làm việc, phòng chức năng một cửa, phòng tiếp công dân trụ sở UBND phường Thụy Phương	1	2018-2020	Số 3461/QĐ-UBND	4/9/2015	13.943	978	1.007	1.159	4.500	8.500	3.000				
1	Xây dựng trụ sở làm việc phường Phú Diễn	1	2016-2018	Số 4977/QĐ-UBND	31/10/2015	41.806		485	485	3.149	3.149					
4	Xây dựng trụ sở làm việc phường Đức Thắng	1	2016-2018	Số 4974/QĐ-UBND	31/10/2015	41.295	9.000			2.035	2.035	2.500				
IX.1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	1				39.180	7.900	4.105	4.468	10.000	10.000	10.000				
1	Xây dựng trụ sở làm việc UBND phường Cổ Nhuế 2	1	2016-2020	4969/QĐ-UBND	31/10/2015	39.180	7.900	4.105	4.468	10.000	10.000	10.000				
IX.2	Dự án mới	0														
IX.2.1	Dự án mới hoàn thành năm 2019	0														
IX.2.2	Dự án mới hoàn thành năm 2019	0														
X	Công trình HTXH công viên - cây xanh	11				98.255	593	4.945	11.225	23.124	25.625	8.000				
X.1	Dự án chuyển tiếp	7				56.818		3.112	3.112	11.221	12.230					

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019					Lấy kế vốn đi bổ trợ không công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMBT		Khởi động thực hiện KH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)		Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn tiết dư
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
	Dự án chuyển tiếp để hoàn thành trước năm 2019, ghi để vốn theo giá trị quyết toán được duyệt	3	-	-	-	26.391	-	412	412	2.129	2.129	-	-	-	-	-
1	Xây dựng điểm vui chơi cộng đồng, cải tạo cảnh quan môi trường kết hợp với cải tạo nhà văn hóa ở dân phố số 2, phường Tây Tựu	1		Số 1061/QĐ-UBND	10/11/2014	6.004	-	84	84	85	85	-	-	-	-	-
2	Xây dựng kênh, hệ thống thoát nước kết hợp điểm vui chơi ao Vườn Cau tổ dân phố 1, ao Hồ Láng tổ dân phố 2, phường Tây Tựu,	1		Số 5224/QĐ-UBND,	ngày 28/10/2016	9.182	-	65	65	1.513	1.513	-	-	-	-	-
3	Xây kè đá và cải tạo môi trường ao Đình, Đốc Diễn, phường Phúc Diễn	1		Số 1216/UBND-TCKH,	30/10/2014	11.207	-	263	263	53	53	-	-	-	-	-
X.1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019	4	-	-	-	30.425	-	2.700	2.700	9.102	11.102	-	-	-	-	-
1	Xây dựng điểm vui chơi, kết hợp cải tạo môi trường hồ Minh Đường, phường Lê Văn Mạc	1	2018-2019	Số 4757/QĐ-UBND	27/10/2015	4.600	-	2.700	2.700	2.700	4.700	-	-	-	-	-
2	Xây dựng kênh, hệ thống thoát nước, cải tạo môi trường kết hợp điểm vui chơi ao Chùa, ao Mỏ Quạ, ao ông Giũa, TDP Thượng Cát	1		Số 4883/QĐ-UBND,	30/10/2015	9.549	-	-	-	1.200	1.200	-	-	-	-	-
3	Xây kè đá và cải tạo môi trường ao Đình Trung Tựu, phường Tây Tựu	1		Số 5237/QĐ-UBND	ngày 6/4/2016	2.688	-	-	-	467	467	-	-	-	-	-
4	Xây dựng kênh, hệ thống thoát nước dân sinh sau trường tiểu học Thương Cát, kết hợp điểm vui chơi ao bà Đỗ Phi, ao Công Điểm tổ dân phố Thương Cát, phường Thương Cát	1	2017-2018	Số 5200/QĐ-UBND,	ngày 27/10/2016	13.588	-	-	-	4.735	4.735	-	-	-	-	-
X.2	Dự án mới	3	-	-	-	33.437	593	1.837	8.117	11.995	12.395	8.000	-	-	8.000	-
X.2.1	Dự án mới hoàn thành năm 2019	3	-	-	-	14.878	-	1.498	2.118	3.600	3.900	-	-	-	8.000	-
1	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố Hoàng 10,11 phường Cổ Nhuế 1	1	2018-2019	Số 6092/QĐ-UBND	Ngày 31/10/2018	2.330	-	-	600	1.800	1.900	-	-	-	-	-
2	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố Hoàng 9,13,8,12, phường Cổ Nhuế 1	1	2018-2019	Số 6085/QĐ-UBND	Ngày 31/10/2018	10.566	-	-	-	200	300	-	-	-	-	-
3	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố Thương Cát 1, phường Thương Cát	1	2019-2020	Số 6180/QĐ-UBND	Ngày 31/10/2018	1.974	-	1.498	1.518	1.600	1.700	-	-	-	-	-
X.2.2	Dự án mới hoàn thành sau năm 2019	1	-	-	-	18.567	593	339	5.999	8.395	8.495	8.000	-	-	8.000	-
1	Xây kè đá và cải tạo môi trường hồ Tân phương, phường Thụy Phương	1	2019-2020	Số 6086/QĐ-UBND	31/10/2018	18.567	593	339	5.999	8.395	8.495	8.000	-	-	8.000	-
	HỖ TRỢ	1	-	-	-	15.325	-	-	5.000	10.143	10.143	-	-	-	-	-
	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nông thôn mới năm 2019 cho huyện Phúc Thọ theo Chương trình 02 của Tỉnh ủy.	1				10.329	-	-	5.000	10.000	10.000	-	-	-	-	-
	- Nhà hội họp cụm 13 thôn Nam & Phụng Thượng		2018-2020	Số 3818/QĐ-UBND,	26/10/2017	2.165	-	-	-	2.000	2.000	-	-	-	-	-
	- Nhà hội họp cụm 3 & Phương Đông		2018-2020	Số 2045/QĐ-UBND,	14/8/2018	2.538	-	-	-	2.500	2.500	-	-	-	-	-
	- Nhà văn hóa trung tâm thôn Đa Phú		2018-2020	Số 3924/QĐ-UBND,	30/10/2017	5.633	-	-	-	5.500	5.500	-	-	-	-	-

TT	Đanh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐ/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn năm 2019					Lấy từ vốn đã bố trí từ khối công đến hết kế hoạch năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020				
				Số	Ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện KH2019 từ 01/01/2019 đến hết ngày 15/11/2019	Giải ngân đến ngày 15/11/2019	Ước giải ngân Kế hoạch năm 2019 (tính đến hết ngày 31/01/2020)		Tổng cộng	Phân theo nguồn vốn			
						Tổng số	Trong đó: GPMB						Nguồn tập trung phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn CCTL	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14					
	Trụ sở làm việc công an phường Phú Diễn thuộc Công an quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an Thành phố Hà Nội			1613/QĐ-CAHN-QLDA	26/4/2016	5.000				143	143	-				
	CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG	1	-						1.325	5.200	5.200	8.500	-	-	8.500	-
	Chương trình đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016- 2020, tầm nhìn đến 2025	1							1.325	5.200	5.200	8.500	-	-	8.500	-
	- Đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ, giáo viên								1.325	5.200	5.200	8.500			8.500	
C	Các dự án bố trí vốn ngân sách Quận cho công tác đầu tư GPMB, XD HTKT các dự án đầu tư, đất dịch vụ sẽ thu hồi từ thu đầu tư, thu sử dụng đất của người dân	5				737.720		13.208	23.942	73.827	390.817	35.000			35.000	-
	Dự án chuyển tiếp	6				529.245		2.928	5.715	46.615	357.205					-
1	Xây dựng HTKT để đầu tư QSD đất khu 3ha phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm	1	2016-2019	2053/QĐ-UBND	29/4/2016	57.914			57	263	22.463	-				
2	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại các ô quy hoạch DV04, DV08 phường Tây Tựu - Lãn Mạc - quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1			30/10/2015	234.519		281	399	16.749	184.159	-				
3	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại các ô quy hoạch DV09, DV11 phường Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1			30/10/2015	189.461		685	2.852	19.616	144.796	-				
4	Xây dựng HTKT đầu tư QSD đất khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Đông Ngạc	1	2018-2019	8263/QĐ-UBND,	ngày 31/10/2017	4.284		80	532	1.302	3.102	-				
5	Xây dựng HTKT đầu tư QSD đất khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Phúc Diễn	1	2017-2018	5379/QĐ-UBND	31/10/2016	5.562		718	718	1.007	1.007	-				
6	Xây dựng HTKT khu đất đầu tư QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 6A), quận Bắc Từ Liêm	1	2017-2018	6032/QĐ-UBND	ngày 31/10/2016	37.505		1.150	1.150	1.679	1.679	-				
	Dự án mới	3	-			208.475		10.288	17.330	33.217	33.612	35.000			35.000	-
1	Xây dựng HTKT để đầu tư QSD đất khu giáp trung tâm hành chính quận Bắc Từ Liêm	1	2019-2020	6105/QĐ-UBND,	31/10/2018	56.337		3.960	5.982	15.000	15.000	35.000			35.000	
2	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại ô quy hoạch DV12 phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1	2018-2019	5710/QĐ-UBND,	23/10/2018	148.067		6.302	11.333	17.930	17.930	-				
3	Xây dựng HTKT để đầu tư QSDĐ các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm	1	2019-2020	6106/QĐ-UBND,	31/10/2018	4.071		15	15	282	682	-				